

MỤC LỤC

PHẦN A. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	3
MỤC 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG.....	3
Điều 1. Giải thích từ ngữ	3
Điều 2. Nguyên tắc áp dụng	4
MỤC 2. QUY ĐỊNH VỀ PHÍ, CHI PHÍ.....	5
Điều 3. Lãi suất, Phí và Chi phí	5
MỤC 3. QUY ĐỊNH VỀ TRẢ NỢ.....	6
Điều 4. Phương thức trả nợ	6
Điều 5. Trả nợ gốc trước hạn theo đề nghị của Bên được cấp tín dụng	6
Điều 6. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ	7
Điều 7. Chuyển nợ quá hạn.....	7
Điều 8. Thu hồi trước hạn Các khoản phải trả	8
MỤC 4. QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM	8
Điều 9. Xử lý tài sản bảo đảm	8
MỤC 5. QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN	9
Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng	9
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của NCB	10
MỤC 6. QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO.....	10
Điều 12. Cung cấp thông tin và kiểm tra tín dụng	10
Điều 13. Thông báo	11
Điều 14. Bảo mật thông tin	12
PHẦN B. ĐIỀU KIỆN CHUNG VỀ CẤP TÍN DỤNG THEO HẠN MỨC.....	12
Điều 1. Điều kiện sử dụng hạn mức.....	13
Điều 2. Phương thức sử dụng hạn mức.....	13
Điều 3. Xét lại hạn mức.....	14
Điều 4. Nhận nợ bắt buộc.....	14
PHẦN C. ĐIỀU KHOẢN VỀ THỎA THUẬN CẤP BẢO LÃNH	15
Điều 1. Phương thức thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	15
PHẦN D. ĐIỀU KHOẢN VỀ CHIẾT KHẤU.....	15
PHẦN E. ĐIỀU KHOẢN VỀ BAO THANH TOÁN	15
PHẦN F. ĐIỀU KHOẢN VỀ THƯ TÍN DỤNG (L/C)	15
PHẦN G. ĐIỀU KHOẢN CHI TIẾT VỀ VIỆC CẤP TÍN DỤNG KHÁC.....	15
PHỤ LỤC 01: ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN CHUNG VỀ BẢO VỆ VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN	16
PHỤ LỤC 02: ĐIỀU KHOẢN VỀ CHIẾT KHẤU	22
Điều 1. Giải thích từ ngữ	22

Điều 2. Các hối phiếu được chiết khấu.....	23
Điều 3. Phương thức thanh toán khoản chiết khấu, lãi, phí, chi phí khác.....	23
Điều 4. Xử lý trong trường hợp có tranh chấp thương mại	24
Điều 5. Ngừng giải ngân theo mức/hạn mức chiết khấu	25
Điều 6. Cam kết và bảo đảm của Bên được cấp tín dụng.....	26
PHỤ LỤC 03: ĐIỀU KHOẢN VỀ BAO THANH TOÁN.....	29
Điều 1. Giải thích từ ngữ	29
Điều 2. Các khoản phải thu được bao thanh toán.....	30
Điều 3. Phương thức thanh toán khoản bao thanh toán, lãi, phí, chi phí khác.....	31
Điều 4. Xử lý trong trường hợp có tranh chấp thương mại	31
Điều 5. Ngừng giải ngân theo mức bao thanh toán	31
Điều 6. Cam kết và bảo đảm của Bên được cấp tín dụng.....	32
PHỤ LỤC 04: ĐIỀU KHOẢN VỀ THƯ TÍN DỤNG	34

ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN CHUNG VỀ CẤP TÍN DỤNG
ĐỐI VỚI BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP QUỐC DÂN
(Có hiệu lực từ ngày 20/08/2024)

Ngân hàng TMCP Quốc Dân “NCB” cấp tín dụng theo điều khoản, điều kiện sau đây:

PHẦN A. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. *NCB/Ngân hàng*: Là Ngân hàng TMCP Quốc Dân, bao gồm Hội sở chính, các chi nhánh, Phòng giao dịch và các đơn vị trực thuộc.
2. *Bên được cấp tín dụng/Khách hàng*: là tổ chức có nhu cầu cấp tín dụng và được NCB chấp thuận cấp tín dụng theo thỏa thuận tại (các) Văn kiện tín dụng.
3. *Cấp tín dụng*: Là việc NCB thỏa thuận để Bên được cấp tín dụng sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, phát hành thẻ tín dụng, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác.
4. *Văn kiện tín dụng*: Là các văn bản, Hợp đồng có thỏa thuận cấp tín dụng (bao gồm nhưng không giới hạn: Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng, Hợp đồng cho vay; Khế ước nhận nợ; Giấy đề nghị phát hành Thư tín dụng hoặc Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành Thư tín dụng; Hợp đồng cấp bảo lãnh (bao gồm Hợp đồng cấp bảo lãnh, Hợp đồng cấp hạn mức bảo lãnh); Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi; Hợp đồng bao thanh toán (bao gồm Hợp Đồng Cấp Hạn Mức Bao Thanh Toán/ Hợp Đồng Cấp Mức Bao Thanh Toán, Đề xuất ứng trước Khoản phải thu kèm Khế ước nhận nợ và các Hợp đồng/văn bản thỏa thuận liên quan tới việc cấp hạn mức bao thanh toán); Hợp đồng chiết khấu (bao gồm nhưng không giới hạn Hợp Đồng Cấp Mức/Hạn Mức chiết khấu hối phiếu, đề nghị kèm thỏa thuận chiết khấu, giấy nhận nợ và các Hợp đồng/văn bản thỏa thuận liên quan tới việc cấp mức/hạn mức chiết khấu hối phiếu) và/hoặc Hợp đồng/văn bản thỏa thuận khác liên quan đến việc cấp tín dụng được ký kết giữa NCB và Bên được cấp tín dụng cùng tất cả các Phụ lục, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản kèm theo khác) được ký kết giữa NCB và Bên được cấp tín dụng, Bên thứ ba khác (nếu có) và các văn bản, cam kết đơn phương khác của Bên được cấp tín dụng.
5. *Các khoản phải trả*: Là toàn bộ các khoản tiền mà Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ thanh toán cho NCB, bao gồm nhưng không giới hạn: Nợ gốc, nợ quá hạn, lãi vay, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi, phí trả nợ gốc trước hạn; số tiền mà NCB trả thay cho bên nhận bảo lãnh, tiền lãi phạt phát sinh từ số tiền mà NCB trả thay, các chi phí phát sinh từ việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, phí bảo lãnh; các khoản NCB trả thay, tiền lãi phát sinh, các chi phí phát sinh từ việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán L/C; số tiền chiết khấu, tiền lãi chiết khấu, lãi phạt quá hạn, chi phí phát sinh từ việc đòi tiền bên có nghĩa vụ trả nợ; số tiền bao thanh toán, tiền lãi bao thanh toán, lãi phạt quá hạn, chi phí phát sinh từ việc đòi tiền bên có nghĩa vụ trả nợ; chi phí quản lý, xử lý tài sản, chi phí thu hồi nợ, các chi phí khác có liên quan đến thu hồi nợ và các khoản phí, phạt phải trả khác được thỏa thuận cụ thể giữa NCB và Bên được cấp tín dụng và (các) Văn kiện tín dụng.
6. *Hạn mức cấp tín dụng* là mức dư nợ tối đa NCB cấp cho Bên được cấp tín dụng theo Hợp đồng hạn mức, bao gồm dư nợ cho vay, thấu chi và số dư các khoản bảo lãnh, phát hành L/C, số dư chiết khấu, bao thanh toán và/hoặc các khoản tín dụng khác mà NCB cấp cho Bên được cấp tín dụng.
7. *Thời hạn cấp tín dụng*: Là thời hạn cho vay, thời hạn bảo lãnh, thời hạn chiết khấu, thời hạn thấu chi và thời hạn sử dụng những hình thức cấp tín dụng khác (nếu có).

8. **Biện Pháp Bảo Đảm** bao gồm các biện pháp cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, đặt cọc, ký quỹ, ký cược và các biện pháp bảo đảm khác theo quy định của pháp luật để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng tại NCB.
9. **Bên Bảo Đảm** bao gồm bên cầm cố, bên thế chấp, bên đặt cọc, bên ký cược, bên ký quỹ, bên mua trong hợp đồng mua bán tài sản có bảo lưu quyền sở hữu, bên bảo lãnh, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở trong trường hợp tín chấp, bên có nghĩa vụ trong hợp đồng song vụ đối với biện pháp cầm giữ.
10. **Hợp Đồng Bảo Đảm** là các hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, đặt cọc, ký quỹ, ký cược, hợp đồng mua bán tài sản có bảo lưu quyền sở hữu, hợp đồng bảo lãnh hoặc hợp đồng tín chấp... được ký kết giữa NCB và Bên Bảo Đảm nhằm thỏa thuận về việc áp dụng Biện Pháp Bảo Đảm để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng tại NCB.
11. **Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung** là Điều khoản điều kiện chung về cấp tín dụng đối với Bên được cấp tín dụng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân này và tất cả các Phụ lục kèm theo, các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này điều chỉnh mối quan hệ giữa Bên được cấp tín dụng với NCB khi Bên được cấp tín dụng có nhu cầu cấp tín dụng, đã đề xuất và được NCB chấp thuận cấp tín dụng theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng.
2. Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này cùng với (i) Văn kiện tín dụng, (ii) các thỏa thuận khác giữa NCB với Bên được cấp tín dụng liên quan đến việc cấp tín dụng (nếu có), (iii) các thông báo/văn bản do NCB đơn phương gửi Bên được cấp tín dụng theo thỏa thuận cụ thể tại các Văn kiện tín dụng (nếu có) và (iv) các văn bản cam kết khác mà Bên được cấp tín dụng cam kết với NCB, (v) các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung tương ứng của từng văn kiện giao dịch nêu trên tạo thành một thỏa thuận thống nhất, không tách rời, có giá trị pháp lý như một Văn kiện tín dụng hoàn chỉnh.
3. Việc nhắc đến thuật ngữ bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này và/hoặc Văn kiện tín dụng được hiểu rằng đã bao gồm tất cả các văn kiện giao dịch được đề cập tại Khoản 2 Điều này.
4. Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ phải đọc kỹ nội dung (i) các văn bản nêu tại Khoản 2 Điều này, (ii) Văn bản phê duyệt tín dụng NCB gửi Bên được cấp tín dụng, (iii) tất cả các văn bản phát sinh hoặc liên quan đến Văn kiện tín dụng trước khi ký Văn kiện tín dụng. Việc Bên được cấp tín dụng ký Văn kiện tín dụng được hiểu là Bên được cấp tín dụng đã đọc, đã được NCB (bao gồm cả cán bộ nhân viên của NCB) giải thích đầy đủ, chi tiết, đã hiểu rõ về các quyền, nghĩa vụ, hậu quả pháp lý và đồng ý với nội dung bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này.
5. Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này được các bên giao kết hoàn toàn dựa trên sự tự nguyện, không bị ép buộc đồng thời nội dung và hình thức của bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này là phù hợp theo quy định của pháp luật. Bên được cấp tín dụng cũng đồng ý rằng trường hợp vì bất kỳ lý do gì dẫn tới tranh chấp và/hoặc tính hợp pháp của bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này, trên bất kỳ phương diện nào, dù là không được cơ quan có thẩm quyền công nhận cũng không làm ảnh hưởng tới hiệu lực và nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ thanh toán của Bên được cấp tín dụng theo Văn kiện tín dụng và các thỏa thuận khác giữa NCB với Bên được cấp tín dụng, Bên thứ ba khác có liên quan (nếu có).
6. Các nội dung không được quy định tại Phần các quy định chung sẽ thực hiện theo quy định tại Phần các quy định cụ thể đối với từng nghiệp vụ của bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này. Trường hợp có bất kỳ nội dung mâu thuẫn nào giữa Phần các quy định chung với Phần các quy định cụ thể đối với từng nghiệp vụ của bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này.

7. Các nội dung không được quy định tại bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này sẽ thực hiện theo quy định tại Văn kiện tín dụng và/hoặc các bản hợp đồng và điều khoản điều kiện sản phẩm cụ thể. Trường hợp có bất kỳ nội dung mâu thuẫn nào giữa bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này với các văn kiện giao dịch nêu trên thì ưu tiên áp dụng nội dung của các văn kiện giao dịch đó.
8. Trong quá trình sử dụng dịch vụ, Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng NCB có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật và NCB sẽ công bố công khai trên website của NCB (<https://www.ncb-bank.vn>) và tại các điểm giao dịch của NCB. Việc Bên được cấp tín dụng tiếp tục sử dụng dịch vụ của NCB sau thời điểm hiệu lực của bản Điều Khoản Điều Kiện Chung đã được sửa đổi, bổ sung được hiểu là Bên được cấp tín dụng đã đọc, hiểu rõ và chấp thuận các nội dung sửa đổi, bổ sung đó.
9. Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này được lập bằng tiếng Việt và có thể dịch sang tiếng nước ngoài (nếu cần thiết). Trong trường hợp có sự mâu thuẫn hay khác biệt giữa bản tiếng nước ngoài và bản tiếng Việt thì bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

MỤC 2. QUY ĐỊNH VỀ PHÍ, CHI PHÍ

Điều 3. Lãi suất, Phí và Chi phí

1. Lãi Suất Cơ Sở và Biên Độ Lãi Suất

Trong thời hạn theo quy định tại Văn Kiện Tín Dụng, Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng:

- a) Tại thời điểm điều chỉnh lãi suất, NCB sẽ xác định và thông báo cho Bên được cấp tín dụng về Lãi Suất Cơ Sở và Biên Độ Lãi Suất được áp dụng trong kỳ điều chỉnh.
- b) Trong trường hợp Bên được cấp tín dụng không đồng ý với mức Lãi Suất Cơ Sở cộng Biên Độ Lãi Suất do NCB công bố, Bên được cấp tín dụng có quyền trả nợ khoản Cấp tín dụng trước hạn và phải thông báo trước cho NCB bằng văn bản về việc đề nghị trả nợ trước hạn. Đồng thời, Bên được cấp tín dụng phải trả cho NCB phí trả nợ trước hạn (nếu có) và các loại phí khác theo quy định tại các Văn Kiện Tín Dụng. Cho đến khi Bên được cấp tín dụng thực hiện trả toàn bộ khoản Cấp tín dụng trước hạn, Lãi Suất Cơ Sở áp dụng đối với khoản Cấp tín dụng của Bên được cấp tín dụng vẫn được thực hiện theo đúng mức lãi suất NCB đã thông báo.
2. Lãi suất quá hạn: Trong trường hợp khoản Cấp tín dụng bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Văn Kiện Tín Dụng, Bên được cấp tín dụng phải trả lãi quá hạn với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng của khoản Cấp tín dụng được quy định tại Văn Kiện Tín Dụng tại thời điểm tính lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả hoặc mức lãi suất quá hạn khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ, tùy theo mức lãi suất nào cao hơn tại thời điểm vi phạm.
3. Cơ sở, phương thức tính lãi của khoản Cấp tín dụng
 - a) Tiền lãi của khoản Cấp tín dụng được tính trên cơ sở lãi suất %/năm (một năm có 365 ngày).
 - b) Thời hạn tính lãi của khoản Cấp tín dụng được xác định từ ngày tiếp theo ngày NCB giải ngân khoản Cấp tín dụng đến hết ngày Bên được cấp tín dụng thanh toán hết khoản Cấp tín dụng đó/phải trả nợ trước hạn theo thỏa thuận/theo quy định và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.
 - c) Công thức tính lãi: Số tiền lãi của từng kỳ tính lãi được xác định bằng công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi} = \frac{\sum (\text{Số dư thực tế} \times \text{số ngày duy trì số dư thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi})}{365}$$

- d) Trong trường hợp NCB và Bên được cấp tín dụng có thỏa thuận cụ thể về cơ sở và/hoặc phương thức tính lãi tại Văn Kiện Tín Dụng khác với quy định tại Khoản này, thì thỏa thuận của các bên tại Văn Kiện Tín Dụng là căn cứ để các Bên áp dụng và thực hiện.
4. Phí và các chi phí khác
- a) Phí: Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ trả các khoản phí được quy định bởi NCB trong từng thời kỳ và/hoặc theo thỏa thuận tại Văn Kiện Tín Dụng (bao gồm cả phí trả nợ trước hạn, nếu có).
- b) Chi phí: Bên được cấp tín dụng đồng ý, chấp nhận thanh toán hoặc hoàn trả cho NCB các khoản chi phí thực tế phát sinh để thực hiện việc ký kết, thực hiện, duy trì các Văn Kiện Tín Dụng (là các chi phí mà NCB phải chi trả khi sử dụng dịch vụ của Bên thứ ba hoặc do NCB tự thực hiện trong trường hợp không thuê Bên thứ ba). Các chi phí này bao gồm nhưng không giới hạn bởi lệ phí, phí công chứng, chứng thực, phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí giám định, định giá (trong trường hợp phải thuê tổ chức giám định/định giá độc lập), phí giám sát/bảo vệ tài sản, phí dịch thuật, phí chuyển tiền; chi phí đánh giá, phân tích, tư vấn, chi phí pháp lý và các chi phí hợp lý khác.
5. Các loại phí, chi phí liên quan đến các khoản Cấp tín dụng thực hiện theo quy định của NCB áp dụng tại thời điểm Cấp tín dụng hoặc Văn Kiện Tín Dụng hoặc thỏa thuận cụ thể khác giữa hai bên (nếu có).
6. Các khoản phí, chi phí này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và các mức phí trên có thể được điều chỉnh theo quy định của NCB trong từng thời kỳ và NCB thực hiện thông báo cho Bên được cấp tín dụng bằng hình thức gửi tin nhắn (SMS) hoặc thư điện tử (e-mail) hoặc thư bảo đảm tới số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ của Bên được cấp tín dụng cung cấp cho NCB hoặc công bố công khai trên website của NCB (<https://www.ncb-bank.vn>) hoặc hình thức khác phù hợp với công nghệ của NCB tại thời điểm điều chỉnh.
7. Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm thanh toán cho NCB các khoản phí ngay khi phát sinh hoặc thanh toán theo yêu cầu của NCB tại thời điểm Cấp tín dụng hoặc thời điểm khác theo yêu cầu/thông báo của NCB.

MỤC 3. QUY ĐỊNH VỀ TRẢ NỢ

Điều 4. Phương thức trả nợ

1. Phương thức trả nợ: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản hoặc phương thức khác phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu việc trả nợ được thực hiện bằng chuyển khoản thì đến kỳ hạn trả nợ NCB được tự động trích tiền từ tài khoản theo Văn kiện tín dụng cụ thể và/hoặc Khế ước nhận nợ và/hoặc bất kỳ tài khoản nào của Bên được cấp tín dụng tại NCB để tự động thu hồi nợ đến hạn.
2. Đồng tiền trả nợ là đồng tiền đã được cấp tín dụng, trừ trường hợp NCB chấp thuận cho trả nợ bằng loại tiền khác, thì tỷ giá quy đổi do NCB xác định vào thời điểm thu nợ.
3. Nếu ngày trả Các khoản phải trả là ngày nghỉ của NCB, hoặc ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Nhà nước hoặc một ngày không tồn tại theo lịch thì ngày làm việc liền kề trước hoặc ngày làm việc kế tiếp (theo quy định của NCB) sẽ là ngày trả Các khoản phải trả. Số tiền lãi sẽ được tính cho đến ngày Bên được cấp tín dụng thực tế trả nợ;

Điều 5. Trả nợ gốc trước hạn theo đề nghị của Bên được cấp tín dụng

1. Trả nợ gốc trước hạn: Là việc Bên được cấp tín dụng trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc trước khi chưa đến hạn trả nợ theo thỏa thuận trong (các) Văn kiện tín dụng và/hoặc văn bản thỏa thuận khác giữa hai bên. Việc Bên được cấp tín dụng trả nợ gốc trước hạn một phần hoặc toàn bộ phải tuân thủ và thực hiện theo quy định của NCB trong từng thời kỳ.

2. Khi được NCB chấp thuận cho trả nợ gốc trước hạn, Bên được cấp tín dụng phải trả phí trả nợ trước hạn cho NCB theo mức phí quy định tại (các) Văn kiện tín dụng hoặc theo quy định của NCB tại thời điểm trả nợ trước hạn nếu mức phí tại thời điểm trả nợ trước hạn khác với mức phí thỏa thuận trong Văn kiện tín dụng.
3. Cách tính phí trả nợ gốc trước hạn được thực hiện theo quy định của NCB trong từng thời kỳ. Khi thực hiện thủ tục trả nợ trước hạn, Bên được cấp tín dụng phải ghi rõ nội dung trả nợ trước hạn trong uỷ nhiệm chi, lệnh chuyển tiền hoặc chứng từ khác.

Điều 6. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

1. Đến hạn trả nợ (gốc và/hoặc lãi), nếu Bên được cấp tín dụng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn hoặc không có khả năng trả nợ gốc và/hoặc lãi đúng thời hạn cho vay thì phải gửi Giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ (Gia hạn nợ hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ) cho NCB trước mỗi kỳ hạn/thời hạn trả nợ theo thời hạn mà NCB quy định. Giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải nêu rõ lý do đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ; khả năng, thời hạn và nguồn trả nợ, kèm theo các tài liệu chứng minh.
2. NCB xem xét, đánh giá khả năng trả nợ, nguồn trả nợ của Bên được cấp tín dụng và các yếu tố khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và NCB để quyết định:
 - a) Đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Bên được cấp tín dụng và ký văn bản để xác định lịch trả nợ mới. Trong trường hợp này Bên được cấp tín dụng phải:
 - (i) Thực hiện hoàn tất các điều kiện và hồ sơ cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo yêu cầu của NCB, đồng thời đồng ý với mức lãi suất điều chỉnh khoản vay được cơ cấu lại theo sự điều chỉnh của NCB.
 - (ii) Thanh toán cho NCB mọi khoản phí, phạt, chi phí khác có liên quan đến việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo thông báo hoặc quy định của NCB được công bố công khai tại thời điểm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ.
 - b) Không đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Trong trường hợp này, Bên được cấp tín dụng phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn đã cam kết.
3. Lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ (gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ): Nếu Bên được cấp tín dụng được NCB đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì Bên được cấp tín dụng đồng ý mức lãi suất điều chỉnh lại theo quyết định điều chỉnh lãi suất cho vay tại thời điểm cơ cấu lại của NCB.

Điều 7. Chuyển nợ quá hạn

1. Chuyển nợ quá hạn: Các khoản nợ gốc của Bên được cấp tín dụng được chuyển sang nợ quá hạn vào ngày liền sau ngày phát sinh một hoặc một số sự kiện sau:
 - a) Bên được cấp tín dụng chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đầy đủ số dư nợ gốc cho NCB theo đúng thời hạn đã thỏa thuận với NCB và không được NCB cơ cấu lại thời hạn trả nợ;
 - b) Bên được cấp tín dụng không thanh toán số nợ gốc theo đúng thời hạn được NCB yêu cầu, trong trường hợp Bên được cấp tín dụng phải trả nợ trước hạn theo thỏa thuận trong Văn kiện tín dụng và Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này.
2. Các khoản nợ lãi của Bên được cấp tín dụng được chuyển sang nợ chậm trả vào ngày liền sau ngày phát sinh một hoặc một số sự kiện sau:
 - a) Bên được cấp tín dụng chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đầy đủ nợ lãi cho NCB theo đúng thời hạn đã thỏa thuận với NCB kể cả trường hợp được NCB cơ cấu thời hạn trả nợ;
 - b) Bên được cấp tín dụng không thanh toán nợ lãi theo đúng thời hạn được NCB yêu cầu, trong trường hợp Bên được cấp tín dụng phải trả nợ trước hạn theo thỏa thuận trong Hợp

đồng cho vay này.

3. Nếu Bên được cấp tín dụng bị chuyển nợ quá hạn thì Bên được cấp tín dụng phải trả cho NCB Lãi quá hạn với lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn hoặc tại thời điểm khác theo quy định của NCB, được áp dụng với nợ gốc quá hạn (bao gồm cả nợ gốc quá hạn trong trường hợp phải trả nợ trước hạn).

Lãi quá hạn được tính trên cơ sở Số nợ gốc phải trả nhưng chưa trả, Lãi suất nợ quá hạn (%/năm), Số ngày chậm trả nợ gốc. Trong đó, Số ngày chậm trả nợ gốc được tính từ ngày đến hạn trả nợ gốc đến ngày Bên được cấp tín dụng trả đủ nợ gốc.
4. NCB được quyền thu hồi các Khoản phải trả của Bên được cấp tín dụng đối với NCB phát sinh liên quan đến Văn kiện tín dụng nếu khoản Cấp tín dụng bị chuyển nợ quá hạn theo thứ tự như sau:
 - a) Đối với các Khoản phải trả là nợ gốc, nợ lãi tiền vay:
 - (i) Trường hợp các Khoản phải trả có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, NCB được quyền thu nợ theo thứ tự như sau: thu nợ gốc đã quá hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, thu nợ gốc đến hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả.
 - (ii) Trường hợp toàn bộ Khoản phải trả bị quá hạn trả nợ, NCB được quyền thu nợ theo thứ tự như sau: nợ gốc, nợ lãi tiền vay.
 - b) Đối với các Khoản phải trả khác thứ tự thu nợ được thực hiện theo quy định của NCB tại thời điểm thu nợ.
5. Nợ quá hạn nêu tại khoản 1 Điều này chỉ làm căn cứ tính lãi quá hạn và lãi chậm trả giữa hai bên.
6. Việc chuyển nhóm nợ thực hiện theo quy định phân loại nợ của Ngân hàng Nhà nước và của NCB.

Điều 8. Thu hồi trước hạn Các khoản phải trả

1. Trường hợp NCB thu hồi trước hạn Các khoản phải trả, NCB sẽ thông báo cho Bên được cấp tín dụng biết bằng văn bản. Bên được cấp tín dụng phải trả cho NCB đầy đủ Các khoản phải trả theo thời hạn mà NCB thông báo.
2. Nếu Bên được cấp tín dụng không trả hoặc không trả đầy đủ Các khoản phải trả cho NCB theo thời hạn NCB thông báo thì toàn bộ dư nợ gốc đến hạn phải trả sẽ chuyển thành nợ quá hạn. Bên được cấp tín dụng phải trả cho NCB lãi quá hạn tính trên toàn bộ dư nợ gốc quá hạn, theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Văn kiện tín dụng và/hoặc văn bản thỏa thuận khác giữa hai Bên. Ngoài ra Bên được cấp tín dụng phải trả cho NCB lãi chậm trả trên số tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng. NCB đồng thời sẽ áp dụng ngay các biện pháp thu hồi nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng và/hoặc (các) Hợp đồng bảo đảm để thu hồi nợ quá hạn.

MỤC 4. QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

Điều 9. Xử lý tài sản bảo đảm

1. NCB được quyền xử lý (các) Tài sản bảo đảm theo các phương thức đã thỏa thuận trong (các) Hợp đồng bảo đảm nếu Bên được cấp tín dụng không trả cho NCB Các khoản phải trả đầy đủ và đúng hạn, kể cả trường hợp NCB thu hồi trước hạn Các khoản phải trả như thỏa thuận tại (các) Văn kiện tín dụng và/hoặc văn bản thỏa thuận khác giữa hai bên.
2. Trường hợp nghĩa vụ trả Các khoản phải trả được bảo đảm bằng nhiều tài sản bảo đảm thì NCB được quyền lựa chọn bất kỳ tài sản bảo đảm nào trong các tài sản bảo đảm đó để xử lý trước

hoặc xử lý cùng lúc tất cả các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ (không phân biệt giá trị tài sản, thời gian đưa vào bảo đảm và thời gian đến hạn trả nợ).

3. Trường hợp (các) Tài sản bảo đảm bảo đảm cho nhiều nghĩa vụ trả trả nợ thì NCB được quyền lựa chọn để thu hồi trước bất kỳ khoản nào trong Các khoản phải trả hoặc thu hồi cùng lúc tất cả Các khoản phải trả.
4. Thứ tự ưu tiên thu nợ khi xử lý tài sản bảo đảm: thực hiện theo thứ tự thu hồi nợ của hai bên khi chuyển nợ quá hạn thỏa thuận trong Văn kiện tín dụng.
5. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm và việc áp dụng các biện pháp thu hồi nợ khác không đủ để trả Các khoản phải trả thì Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm tiếp tục dùng mọi nguồn thu nhập, tài sản của Bên được cấp tín dụng để tiếp tục trả nợ cho NCB cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ.

MỤC 5. QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng

1. Từ chối các yêu cầu của NCB không đúng với thỏa thuận trong (các) Văn kiện tín dụng cụ thể, (các) Hợp đồng bảo đảm và các văn bản thỏa thuận khác giữa hai bên.
2. Được quyền yêu cầu NCB trả lại các khoản mà Bên được cấp tín dụng có cơ sở và chứng minh được là NCB tính/hạch toán không đúng số tiền mà Bên được cấp tín dụng phải trả cho NCB do lỗi của NCB.
3. Trả cho NCB Các khoản phải trả đầy đủ và đúng hạn.
4. Tạo điều kiện thuận lợi để NCB kiểm tra, giám sát và cung cấp theo yêu cầu của NCB các thông tin và hồ sơ liên quan đến việc Cấp tín dụng, hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính, tài sản bảo đảm của Bên được cấp tín dụng hoặc Bên bảo đảm (nếu có); chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin và hồ sơ đã cung cấp.
5. Sử dụng vốn Cấp tín dụng đúng mục đích và không sử dụng vốn cấp tín dụng vào mục đích trái pháp luật, đồng thời phải báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng theo yêu cầu của NCB.
6. Thực hiện đầy đủ và đúng hạn nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh (trong trường hợp NCB Cấp tín dụng cho Bên được cấp tín dụng dưới hình thức Bảo lãnh).
7. Tại thời điểm ký kết Văn kiện tín dụng, Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm (nếu có) không bị bất cứ bên thứ ba nào tranh chấp, khiếu nại, khởi kiện hoặc là bị đơn trong vụ án dân sự, hành chính hoặc hình sự và không có nghĩa vụ phải thi hành các Bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền nào hoặc không bị hạn chế theo bất cứ thỏa thuận nào Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm hiện có với bên thứ ba khác có khả năng làm ảnh hưởng đến việc ký kết và thực hiện nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng theo Văn kiện tín dụng, của Bên bảo đảm đối với Hợp đồng bảo đảm.
8. Bên được cấp tín dụng cam kết thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế rủi ro về môi trường khi được NCB cấp tín dụng bao gồm và không giới hạn các biện pháp sau:
 - a) Tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật nói chung và quy định pháp luật về môi trường nói riêng;
 - b) Thực hiện đầy đủ các quy định tại các Quyết định/Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư (nếu có);
 - c) Đánh giá trung thực, định kỳ/thường xuyên theo quy định của pháp luật đối với các tác động của dự án đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án đầu tư và cập nhật thường xuyên tình hình thực hiện dự án tới NCB;
 - d) Có trách nhiệm cung cấp các thông tin chính xác, kịp thời cho NCB về các phát sinh chi phí, giảm thu nhập hoặc gây tổn thất về vốn, tài sản của Bên được cấp tín dụng (nếu có) khi phát sinh rủi ro về môi trường;
 - e) Áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro về môi trường cần thiết khác và/hoặc theo yêu cầu của NCB sau khi NCB đánh giá lại các khoản cấp tín dụng có rủi ro môi trường của Bên

được cấp tín dụng.

9. Bên được cấp tín dụng có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và theo (các) Văn kiện tín dụng, các Thỏa thuận giữa NCB và Bên được cấp tín dụng và Điều Khoản Điều Kiện Chung này.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của NCB

1. Được quyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, trả nợ Bên được cấp tín dụng và yêu cầu Bên được cấp tín dụng cung cấp thông tin và hồ sơ liên quan đến việc Cấp tín dụng, hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính, tài sản bảo đảm của Bên được cấp tín dụng và Bên bảo đảm trước, trong và sau khi Cấp tín dụng.
2. Yêu cầu Bên được cấp tín dụng thực hiện đầy đủ và đúng hạn nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh (trong trường hợp NCB Cấp tín dụng cho Bên được cấp tín dụng dưới hình thức Bảo lãnh).
3. Thực hiện đúng các thỏa thuận trong (các) Văn kiện tín dụng cụ thể và (các) Hợp đồng bảo đảm.
4. Lưu trữ hồ sơ Cấp tín dụng theo quy định của pháp luật.
5. NCB có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Văn kiện tín dụng và Điều Khoản Điều Kiện Chung này.

MỤC 6. QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO

Điều 12. Cung cấp thông tin và kiểm tra tín dụng

1. Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm cung cấp thông tin bằng văn bản cho NCB trong suốt quá trình thực hiện Văn kiện tín dụng như sau:
 - a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến nhân thân, hoạt động, tài chính, tài sản của Bên được cấp tín dụng (cả vợ và chồng) tại bất cứ thời điểm nào khi có sự thay đổi so với các thông tin đã cung cấp cho NCB trước đó hoặc khi NCB có yêu cầu; đồng thời hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin, tài liệu cung cấp cho NCB;
 - b) Thông báo ngay lập tức cho NCB ngay khi phát sinh các sự kiện sau:
 - (i) Thay đổi các thông tin về tư cách chủ thể pháp lý, hoạt động kinh doanh, các thông tin liên quan đến Bên được cấp tín dụng được quy định trong các Văn kiện tín dụng, bao gồm nhưng không giới hạn: Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép thành lập và hoạt động); thay đổi tên doanh nghiệp, vốn điều lệ, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện, phạm vi hoạt động; thay đổi cổ đông, thành viên hợp danh, thành viên góp vốn từ 5% vốn điều lệ trở lên;
 - (ii) Thay đổi mục đích, quy mô của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được cấp tín dụng;
 - (iii) Nghị quyết hợp lệ của Đại Hội đồng cổ đông/Hội đồng Quản trị/Hội đồng thành viên hoặc Quyết định của Chủ sở hữu Công ty/Chủ tịch Công ty hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ Bên được cấp tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật liên quan đến quyết định đầu tư hoặc Hợp đồng có giá trị theo quy định của pháp luật;
 - (iv) Thay đổi thông tin về Tài sản bảo đảm/Bên bảo đảm và/hoặc Tài sản bảo đảm không còn hoặc không còn đủ giá trị bảo đảm cho các Khoản phải trả;
 - (v) Các thông tin và tài liệu liên quan khi phát sinh sự kiện quy định tại Văn kiện tín dụng và Bản điều khoản điều kiện chung;
 - (vi) Có nguy cơ mất khả năng thanh toán hoặc phát sinh các sự kiện khác ảnh hưởng đến tình hình tài chính, tài sản và khả năng trả nợ của Bên được cấp tín dụng.
 - (vii) Các thông tin, tài liệu, sự kiện bất kỳ khác làm ảnh hưởng đến việc Cấp tín dụng và/hoặc

khả năng thanh toán Các khoản phải trả cho NCB.

- c) Thông báo và ký văn bản thỏa thuận xử lý nợ với NCB trước khi thực hiện các việc thay đổi sau: Tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp); giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp; giải thể, phá sản doanh nghiệp; đồng thời phải thực hiện các thay đổi đó theo đúng điều kiện, thủ tục do NCB yêu cầu;
2. NCB có quyền định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay, trả nợ, tình hình sản xuất, kinh doanh, tài sản bảo đảm của Bên được cấp tín dụng, Bên bảo đảm (nếu có) và các vấn đề khác có liên quan đến hạn mức cho vay. Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để NCB thực hiện việc kiểm tra, giám sát này.
3. Thỏa thuận về việc cung cấp Thông tin tín dụng cho Công ty Thông tin tín dụng:
 - a) Bên được cấp tín dụng đồng ý cho NCB cung cấp thông tin tín dụng của Bên được cấp tín dụng tại NCB cho công ty thông tin tín dụng (“Đối tác”) mà NCB đang là tổ chức tham gia (hoặc dự kiến là tổ chức tham gia).
 - b) Hiện nay, Đối tác mà NCB là tổ chức tham gia là :
 - Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN DỤNG VIỆT NAM (PCB);
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0102547296;
 - Đăng ký lần đầu: ngày 27/11/2007.
 - c) Trường hợp, sau khi xác lập Văn kiện tín dụng, NCB thay đổi Đối tác hoặc bổ sung thêm Đối tác khác (nếu quy định pháp luật cho phép) thì NCB có trách nhiệm thông báo cho Bên được cấp tín dụng (bao gồm: Tên công ty thông tin tín dụng; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thông tin khác liên quan) trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày NCB cam kết cung cấp thông tin tín dụng với một công ty thông tin tín dụng.
 - d) Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp (“Thông tin”): các dữ liệu, số liệu, và các thông tin tín dụng có liên quan khác của Bên được cấp tín dụng tại NCB. Việc thực hiện cung cấp thông tin tín dụng của NCB cho Đối tác đảm bảo phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan.
 - e) Khi Đối tác bị thu hồi Giấy chứng nhận hoặc không còn hợp tác với NCB, NCB sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của Bên được cấp tín dụng cho Đối tác và Bên được cấp tín dụng đồng ý thông tin tín dụng của Bên được cấp tín dụng tại Đối tác được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. NCB có trách nhiệm thông báo với Bên được cấp tín dụng về việc xử lý thông tin tín dụng của Bên được cấp tín dụng trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày NCB nhận được thông báo của Đối tác về phương án xử lý thông tin tín dụng.
 - f) Trường hợp, sau khi Văn kiện tín dụng có hiệu lực mà các nội dung quy định của pháp luật về cung cấp Thông tin tín dụng cho Công ty Thông tin tín dụng có thay đổi thì việc cung cấp thông tin tín dụng của Bên được cấp tín dụng tại NCB cho Công ty Thông tin tín dụng sẽ do NCB toàn quyền quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
 - g) Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Văn kiện tín dụng, các văn bản thỏa thuận khác giữa Bên được cấp tín dụng và NCB và Điều Khoản Điều Kiện Chung này.
4. Việc quản lý thông tin, dữ liệu cá nhân của các bên được thực hiện theo quy định tại (các) Văn kiện tín dụng, Phụ lục 01 - Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân kèm theo Điều Khoản Điều Kiện Chung này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 13. Thông báo

1. Thông báo được coi là đã gửi và đã nhận thành công khi thông báo đó: (i) được gửi trực tiếp tới tay Bên được cấp tín dụng hoặc người đại diện hợp pháp của Bên được cấp tín dụng, người đại diện theo pháp luật của NCB hoặc nhân viên có thẩm quyền của NCB; hoặc (ii) theo xác nhận

- của cơ quan bưu chính; hoặc (iii) nếu gửi bằng phương tiện điện tử thì một bên được xem là đã nhận khi hoàn tất việc gửi mà không bị gián đoạn bởi đường truyền trong quá trình gửi; hoặc (iv) khi có báo cáo từ máy fax của bên gửi gửi xác nhận đã chuyển; và/hoặc ngày được công bố chính thức trên website của NCB (<https://www.ncb-bank.vn>).
2. Bên được cấp tín dụng cam kết địa chỉ nêu tại Văn Kiện Tín Dụng là trụ sở hợp pháp của Bên được cấp tín dụng. Các văn bản, tài liệu, thư mời, thông báo, tổng đạt, niêm yết công khai nhằm yêu cầu Bên được cấp tín dụng thực hiện nghĩa vụ với NCB,.... sẽ được NCB gửi đến địa chỉ của Bên được cấp tín dụng nêu tại Văn Kiện Tín Dụng.
 3. Trường hợp có sự thay đổi về địa chỉ mà Bên được cấp tín dụng không thông báo thì được xem là cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp này, địa chỉ nêu tại Văn Kiện Tín Dụng (hoặc địa chỉ nêu tại văn bản Thông báo mà NCB nhận được sau cùng) được xác định là địa chỉ cuối cùng của Bên được cấp tín dụng, mọi thông tin NCB gửi được xem là Bên được cấp tín dụng đã nhận được và NCB không phải chịu trách nhiệm về việc Bên được cấp tín dụng có hay không nhận được các thông tin liên lạc mình đã gửi.
 4. Trường hợp có sự thay đổi thông tin liên hệ, Bên được cấp tín dụng phải thông báo đến Bên/các Bên còn lại trước 05 (năm) ngày làm việc.
 5. Trường hợp thời điểm nhận thông báo theo quy định tại Khoản 16.5 Điều này không phải là ngày làm việc hoặc sau giờ làm việc của bên nhận thông báo thì thời điểm nhận thông báo là ngày làm việc tiếp theo.

MỤC 7. QUY ĐỊNH VỀ BẢO MẬT THÔNG TIN

Điều 14. Bảo mật thông tin

1. Bên được cấp tín dụng cam kết bảo mật các thông tin liên quan/phát sinh từ Văn kiện tín dụng hoặc các thông tin của NCB mà Bên được cấp tín dụng có được do NCB và/hoặc cán bộ, nhân viên của NCB cung cấp (*Sau đây gọi tắt là “Thông tin”*) cho bất kỳ bên thứ ba nào khác (trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền) mà không được sự đồng ý bằng văn bản của NCB. Để làm rõ, Bên được cấp tín dụng được quyền cung cấp các thông tin này cho cán bộ, nhân viên của mình để thực hiện Văn kiện tín dụng, với điều kiện cán bộ, nhân viên của Bên được cấp tín dụng phải tuân thủ nghĩa vụ về bảo mật thông tin này và Bên được cấp tín dụng phải chịu trách nhiệm trong trường hợp cán bộ, nhân viên của mình vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin.
2. Bên được cấp tín dụng cam kết không thực hiện sao chép hoặc tái bản hoặc chuyển thành văn bản hoặc biểu hiện khác hoặc giữ bất cứ hồ sơ chứa bất kỳ Thông tin nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của NCB.
3. Trong trường hợp Bên được cấp tín dụng buộc phải tiết lộ các Thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: (i) Bên được cấp tín dụng sẽ thông báo cho NCB bằng văn bản trước khi cung cấp thông tin để NCB có thể thực hiện các hành động thích hợp hoặc các biện pháp bảo vệ phù hợp khác và (ii) Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm thực hiện theo đúng các yêu cầu và biện pháp khắc phục do NCB đưa ra. Trong trường hợp không có được các biện pháp bảo vệ này, Bên được cấp tín dụng cam kết sẽ chỉ cung cấp phần thông tin đúng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo cách thức phù hợp để bảo mật thông tin.
4. Bên được cấp tín dụng sẽ thông báo ngay lập tức cho NCB bất kỳ việc sử dụng hoặc tiết lộ trái phép hoặc lạm dụng bởi bất kỳ người nào đối với bất kỳ Thông tin nào, sau khi Bên được cấp tín dụng nhận được, có được thông tin hoặc có thông báo hoặc biết về những vi phạm này.

PHẦN B. ĐIỀU KIỆN CHUNG VỀ CẤP TÍN DỤNG THEO HẠN MỨC

Điều 1. Điều kiện sử dụng hạn mức

1. Bên được cấp tín dụng được sử dụng hạn mức tín dụng và duy trì sử dụng hạn mức tín dụng khi Bên được cấp tín dụng đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - a) Đáp ứng các điều kiện sử dụng hạn mức nêu tại (các) Văn kiện tín dụng ký giữa NCB và Bên được cấp tín dụng và Điều Khoản Điều Kiện Chung này;
 - b) Đáp ứng và đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu, điều kiện cấp tín dụng theo quy định của NCB và pháp luật khi cấp tín dụng;
 - c) Sử dụng các hạn mức theo đúng mục đích nêu tại Văn kiện tín dụng và cung cấp cho NCB các văn bản, chứng từ chứng minh mục đích sử dụng đúng pháp luật, đúng thẩm quyền và chịu trách nhiệm về việc sử dụng đúng mục đích đó.
 - d) Hoàn tất hồ sơ đề nghị cấp tín dụng tương ứng với hạn mức sử dụng (giải ngân/ phát hành thư bảo lãnh/thấu chi/ hoặc nghiệp vụ khác, bao gồm cả việc ký (các) Văn kiện tín dụng và các chứng từ khác có liên quan) trong thời hạn NCB yêu cầu; bàn giao đầy đủ cho NCB các hồ sơ tài liệu pháp lý liên quan đến tư cách chủ thể pháp lý của Bên được cấp tín dụng, báo cáo tài chính, hoạt động kinh doanh; hoàn tất các thủ tục giao dịch bảo đảm, mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm và tài sản khác của Bên được cấp tín dụng theo quy định của NCB và hoàn tất các thủ tục khác (nếu có) theo quy định của NCB trong từng thời kỳ trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản;
 - e) Bên được cấp tín dụng đã thanh toán cho NCB các khoản phí, chi phí liên quan vào trước ngày sử dụng hạn mức cụ thể theo quy định của NCB trong từng thời kỳ.
 - f) Các điều kiện khác quy định tại Văn kiện tín dụng và của pháp luật (nếu có) tại thời điểm cấp tín dụng.
2. NCB được quyền từ chối Cấp tín dụng trong các trường hợp sau:
 - a) Yêu cầu Cấp tín dụng của Bên được cấp tín dụng không phù hợp với nội dung của Văn kiện tín dụng, Điều Khoản Điều Kiện Chung này;
 - b) Yêu cầu Cấp tín dụng của Bên được cấp tín dụng không phù hợp với chính sách tín dụng của NCB hoặc các quy định của pháp luật và NCB có thông báo bằng văn bản cho Bên được cấp tín dụng về việc không phù hợp.
 - c) Các bên không thỏa thuận được các nội dung của Văn kiện tín dụng; hoặc
 - d) Bên được cấp tín dụng đã và/hoặc đang phát sinh nợ không đủ tiêu chuẩn hoặc đang có các khoản chậm thanh toán tại NCB hoặc các tổ chức tín dụng khác; hoặc
 - e) Bên được cấp tín dụng không đáp ứng được điều kiện nêu tại các Văn kiện tín dụng ký giữa NCB và Bên được cấp tín dụng và Điều Khoản Điều Kiện Chung này; hoặc
 - f) NCB phát hiện Bên được cấp tín dụng cung cấp thông tin sai sự thật; hoặc
 - g) NCB nhận định là có khả năng xảy ra rủi ro khi thực hiện Cấp tín dụng cho Bên được cấp tín dụng;

Điều 2. Phương thức sử dụng hạn mức

1. Mỗi lần Bên được cấp tín dụng đáp ứng đủ điều kiện và được NCB đồng ý cho phép sử dụng hạn mức theo Văn kiện tín dụng, các bên sẽ ký các Văn kiện tín dụng và ký các văn bản, chứng từ khác có liên quan theo quy định của NCB trong từng thời kỳ trước khi sử dụng hạn mức.

2. Bên được cấp tín dụng được sử dụng hạn mức thấu chi trên Tài khoản thấu chi theo quy định của NCB để thanh toán các chi phí theo đúng mục đích sử dụng Bên được cấp tín dụng đã cam kết với NCB.
3. Trong thời hạn duy trì hạn mức, Bên được cấp tín dụng được cấp tín dụng (giải ngân/ phát hành thư bảo lãnh/thấu chi, chiết khấu, bao thanh toán hoặc nghiệp vụ khác) nhiều lần nhưng tổng dư nợ cấp tín dụng của Bên được cấp tín dụng tại NCB theo Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng không vượt quá hạn mức cấp tín dụng nêu tại Văn kiện tín dụng đồng thời không vượt quá giới hạn cấp tín dụng theo quy định của Pháp luật và của NCB tại từng thời kỳ.
4. Thời điểm ký kết Văn kiện tín dụng và/hoặc Thời điểm giải ngân phải nằm trong Thời hạn duy trì hạn mức.
5. Thời hạn cấp tín dụng: Được xác định cụ thể theo Văn kiện tín dụng tương ứng với từng hạn mức mà Bên được cấp tín dụng được sử dụng.

Điều 3. Xét lại hạn mức

1. Hạn mức cấp tín dụng trong Hợp đồng hạn mức này được NCB rà soát định kỳ hoặc đột xuất bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn sử dụng hạn mức để xem xét lại việc cấp hạn mức tín dụng cho Bên được cấp tín dụng.
2. Tùy thuộc vào chính sách tín dụng của NCB tại thời điểm xem xét lại Hạn mức, NCB có quyền điều chỉnh/gia hạn/tái cấp/thay đổi... hạn mức và/hoặc điều kiện cấp hạn mức tín dụng, kể cả chấm dứt việc Cấp hạn mức tín dụng theo các thỏa thuận trong (các) Văn kiện tín dụng của Bên được cấp tín dụng.
3. NCB sẽ thông báo cho Bên được cấp tín dụng về quyết định của mình và:
 - a) Hai bên sẽ ký phụ lục hoặc Hợp đồng hạn mức mới hoặc văn bản khác theo quyết định của NCB. Trong trường hợp theo quyết định điều chỉnh/tái cấp/gia hạn mà hạn mức nhỏ hơn hạn mức cũ thì Bên được cấp tín dụng phải trả nợ gốc trước hạn đảm bảo tổng dư nợ cấp tín dụng của hạn mức mới về mức theo yêu cầu điều chỉnh của NCB. Trong trường hợp này Bên được cấp tín dụng không phải trả phí trả nợ trước hạn.
 - b) Trường hợp NCB chấm dứt hạn mức trước hạn thì Bên được cấp tín dụng không được tiếp tục sử dụng hạn mức và Bên được cấp tín dụng phải hoàn trả toàn bộ dư nợ, lãi, các chi phí (Các khoản phải trả) trước hạn cho NCB. Trong trường hợp này Bên được cấp tín dụng không phải trả phí trả nợ trước hạn.

Điều 4. Nhận nợ bắt buộc

1. Nhận nợ bắt buộc: Trường hợp NCB phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Thư tín dụng/Cam kết bảo lãnh theo quy định tại Điều Khoản Điều Kiện Chung này/Văn kiện tín dụng, NCB thông báo và ghi nợ ngay số tiền mà NCB đã phải trả thay sau khi trừ đi phần thu hồi từ tiền ký quỹ phát hành L/C/Bảo lãnh và các khoản tiền khác (nếu có) của Bên được cấp tín dụng tại NCB. Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ nhận nợ bắt buộc mà không phụ thuộc vào việc có ký Khế ước nhận nợ hay không. Bên được cấp tín dụng chịu lãi suất nhận nợ bắt buộc bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng với Bên được cấp tín dụng hoặc mức lãi suất cụ thể do NCB quy định tại thời điểm NCB chuyển nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng sang nghĩa vụ nhận nợ bắt buộc.
2. Thời hạn nhận nợ bắt buộc: được tính kể từ ngày NCB phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo Thư tín dụng/bảo lãnh cho đến ngày Bên được cấp tín dụng thanh toán đầy đủ cho NCB số tiền nhận nợ bắt buộc và tiền lãi, phí, chi phí, phạt, bồi thường (nếu có). Bên được cấp tín dụng phải hoàn trả số tiền nhận nợ bắt buộc theo thời gian NCB thông báo. Nếu không hoàn trả hoặc không hoàn

trả đầy đủ đúng hạn thì Bên được cấp tín dụng phải chịu lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng đồng thời NCB được áp dụng các biện pháp thu hồi nợ quá hạn kể cả xử lý tài sản bảo đảm đã thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng và/hoặc Điều Khoản Điều Kiện Chung này.

PHẦN C. ĐIỀU KHOẢN VỀ THỎA THUẬN CẤP BẢO LÃNH

Điều 1. Phương thức thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

1. Trong thời hạn bảo lãnh, NCB thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi Bên nhận bảo lãnh xuất trình yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thỏa mãn đầy đủ các điều kiện đã quy định tại Hợp đồng cấp bảo lãnh này và Cam kết bảo lãnh. NCB sẽ thông báo cho Bên được cấp tín dụng về việc thực hiện nghĩa vụ trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày NCB gửi thông báo. Hết thời hạn này, NCB sẽ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với Bên nhận bảo lãnh theo (các) Cam kết bảo lãnh đã phát hành mà không cần sự đồng ý hoặc xác nhận của Bên được cấp tín dụng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Việc NCB thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh không phụ thuộc vào ý kiến của Bên được cấp tín dụng.
2. Ngay khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, NCB hạch toán ghi nợ vào tài khoản cho vay bắt buộc số tiền trả thay cho Bên được cấp tín dụng và lãi suất cho vay bắt buộc bằng 150% lãi suất hợp đồng vay (trường hợp bảo lãnh vay vốn) hoặc bằng lãi suất cho vay quá hạn cao nhất mà NCB đang áp dụng vào thời điểm trả thay (trường hợp bảo lãnh cho các nghĩa vụ khác). Thời hạn cho vay bắt buộc, kỳ hạn trả nợ, lãi suất cho vay áp dụng cho khoản trả thay cụ thể được NCB thông báo cho Bên được cấp tín dụng khi NCB nhận được đề nghị thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh từ Bên nhận bảo lãnh. Trường hợp Bên được cấp tín dụng không hoàn trả số tiền NCB đã thực hiện trả thay, NCB được quyền áp dụng các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay bắt buộc.
3. Bên được cấp tín dụng cam kết nhận nợ vô điều kiện ngay khi NCB thực hiện trả thay và tự động hạch toán nợ vay bắt buộc với số tiền đã trả thay.
4. Ngoài ra, Bên được cấp tín dụng phải trả cho NCB toàn bộ các chi phí phát sinh từ việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.
5. Các khoản mà Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ trả cho NCB (sau đây gọi là “Khoản phải trả”) bao gồm số tiền mà NCB đã trả thay, tiền lãi phạt phát sinh từ số tiền mà NCB đã trả thay, các chi phí phát sinh từ việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, phí bảo lãnh và các khoản khác mà Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ trả cho NCB theo thỏa thuận trong Hợp đồng cấp bảo lãnh này, chi phí quản lý, xử lý tài sản, chi phí thu hồi nợ, các chi phí khác có liên quan đến thu hồi nợ và các khoản phí, phạt phải trả khác được thỏa thuận trong Hợp đồng cấp bảo lãnh này và (các) Hợp đồng bảo đảm tiền vay.
6. NCB thu hồi Khoản phải trả theo thứ tự ưu tiên như sau: Phí bảo lãnh, các chi phí phát sinh từ việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, tiền lãi phạt phát sinh từ số tiền mà NCB đã trả thay và cuối cùng là số tiền mà NCB đã trả thay.

PHẦN D. ĐIỀU KHOẢN VỀ CHIẾT KHẤU

Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo Điều Khoản Điều Kiện Chung này

PHẦN E. ĐIỀU KHOẢN VỀ BAO THANH TOÁN

Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo Điều Khoản Điều Kiện Chung này

PHẦN F. ĐIỀU KHOẢN VỀ THỦ TỤC CẤP TÍN DỤNG (L/C)

Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo Điều Khoản Điều Kiện Chung này

PHẦN G. ĐIỀU KHOẢN CHI TIẾT VỀ VIỆC CẤP TÍN DỤNG KHÁC

Ngoài các điều khoản chung theo quy định tại Phần A bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này, chi tiết liên quan tới việc cấp tín dụng dưới các hình thức cấp tín dụng khác được thực hiện theo quy định tại các Hợp đồng chiết khấu, Hợp đồng/Thỏa thuận cấp bảo lãnh và/hoặc các Hợp đồng/Thỏa thuận cấp tín dụng khác giao kết giữa NCB và Bên được cấp tín dụng.

PHỤ LỤC 01: ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN CHUNG VỀ BẢO VỆ VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Khách hàng đồng ý áp dụng, phối hợp và cam kết tuân thủ Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (sau đây gọi là Ngân hàng) và đồng ý cho Ngân hàng được thực hiện các hành động để xử lý Dữ liệu cá nhân của Chủ thẻ dữ liệu/Khách hàng.

1. Giải thích từ ngữ:

- 1.1 **“Dữ liệu cá nhân”** là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể. Dữ liệu cá nhân bao gồm dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm.
- 1.2 **“Dữ liệu cá nhân cơ bản”** bao gồm:
- a) Họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác (nếu có);
 - b) Ngày, tháng, năm sinh; ngày, tháng, năm chết hoặc mất tích;
 - c) Giới tính;
 - d) Nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, nơi thường trú, nơi tạm trú, nơi ở hiện tại, quê quán, địa chỉ liên hệ;
 - e) Quốc tịch;
 - f) Hình ảnh của cá nhân;
 - g) Số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu, số giấy phép lái xe, số biển số xe, số mã số thuế cá nhân, số bảo hiểm xã hội, số thẻ bảo hiểm y tế;
 - h) Tình trạng hôn nhân;
 - i) Thông tin về mối quan hệ gia đình (cha mẹ, con cái);
 - j) Thông tin về tài khoản số của cá nhân; dữ liệu cá nhân phản ánh hoạt động, lịch sử hoạt động trên không gian mạng;
 - k) Các thông tin khác gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể mà không thuộc trường hợp dữ liệu cá nhân nhạy cảm.
- 1.3 **“Dữ liệu cá nhân nhạy cảm”** là dữ liệu cá nhân gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân mà khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp với quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân gồm:
- a) Quan điểm chính trị, quan điểm tôn giáo;
 - b) Tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án, không bao gồm thông tin về nhóm máu;
 - c) Thông tin liên quan đến nguồn gốc chủng tộc, nguồn gốc dân tộc;
 - d) Thông tin về đặc điểm di truyền được thừa hưởng hoặc có được của cá nhân;
 - e) Thông tin về thuộc tính vật lý, đặc điểm sinh học riêng của cá nhân;
 - f) Thông tin về đời sống tình dục, xu hướng tình dục của cá nhân;
 - g) Dữ liệu về tội phạm, hành vi phạm tội được thu thập, lưu trữ bởi các cơ quan thực thi pháp luật;
 - h) Thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các tổ chức được phép khác, gồm: thông tin định danh khách hàng theo quy định của pháp luật, thông tin về tài khoản, thông tin về tiền gửi, thông tin về tài sản gửi, thông tin về giao dịch, thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;
 - i) Dữ liệu về vị trí của cá nhân được xác định qua dịch vụ định vị;
 - j) Dữ liệu cá nhân khác được pháp luật quy định là đặc thù và cần có biện pháp bảo mật cần thiết.
- 1.4 **“Xử lý dữ liệu cá nhân”** là một hoặc nhiều hoạt động tác động tới dữ liệu cá nhân, như: thu thập, ghi phân tích, xác nhận, lưu trữ, chỉnh sửa, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, cung cấp, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu cá nhân hoặc các hành động khác có liên quan.

- 1.5 **“Khách hàng”** là chủ thể dữ liệu cá nhân (cá nhân được Dữ liệu cá nhân phản ánh) để tiếp cận, tìm hiểu, đăng ký, sử dụng hoặc có liên quan trong quy trình hoạt động, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng.
- 1.6 **“Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân”** là tổ chức, cá nhân quyết định mục đích và phương tiện xử lý dữ liệu cá nhân
- 1.7 **“Bên Xử lý dữ liệu cá nhân”** là tổ chức, cá nhân thực hiện việc xử lý dữ liệu thay mặt cho Bên Kiểm soát dữ liệu, thông qua một hợp đồng hoặc thỏa thuận với Bên Kiểm soát dữ liệu.
- 1.8 **“Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân”** là tổ chức, cá nhân đồng thời quyết định mục đích, phương tiện và trực tiếp xử lý dữ liệu cá nhân
- 2. Những quy định chung:**
 - 2.1 Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân được áp dụng đối với mọi Dữ liệu cá nhân khi tham gia/xác lập các giao dịch giữa Khách hàng với Ngân hàng, thể hiện sự đồng ý toàn bộ của Khách hàng đối với Ngân hàng trong việc Xử lý dữ liệu cá nhân của khách hàng.
 - 2.2 Ngân hàng đề cao và tôn trọng quyền riêng tư, bảo mật và an toàn thông tin cá nhân. Đồng thời, Ngân hàng luôn nỗ lực bảo vệ thông tin cá nhân, quyền riêng tư của Khách hàng (bao gồm cả những chủ thể có liên quan của Khách hàng) và tuân thủ quy định pháp luật.
 - 2.3 Ngân hàng chỉ thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu cá nhân của Khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật và trong phạm vi (các) thỏa thuận giữa Ngân hàng và Khách hàng.
 - 2.4 Bằng việc cung cấp dữ liệu cá nhân của một bên thứ ba (bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thông tin của người phụ thuộc, người có liên quan theo quy định pháp luật, vợ/chồng, con cái và/hoặc cha mẹ và/hoặc người giám hộ, bạn bè, người tham chiếu, bên thụ hưởng, người được ủy quyền, đối tác, người liên hệ trong các trường hợp khẩn cấp hoặc cá nhân khác của Khách hàng) cho Ngân hàng, Khách hàng cam đoan, bảo đảm và chịu trách nhiệm rằng Khách hàng đã có được sự đồng ý hợp pháp của bên thứ ba đó cho việc xử lý và thông tin về việc Ngân hàng là chủ thể xử lý các thông tin cá nhân cho các mục đích được nêu tại Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
 - 2.5 Phụ thuộc vào vai trò của Ngân hàng trong từng tình huống cụ thể là (i) Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân; (ii) Bên Xử lý dữ liệu cá nhân; hoặc (iii) Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu, Ngân hàng sẽ thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm tương ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - 2.6 Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân sẽ được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có bất kỳ xung đột hoặc mâu thuẫn nào với các thỏa thuận, điều khoản và điều kiện chi phối mối quan hệ của Khách hàng với Ngân hàng, cho dù được ký kết trước, vào ngày hoặc sau ngày Khách hàng chấp thuận Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này.
 - 2.7 Tất cả các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng và Khách hàng tại Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này sẽ không thay thế, chấm dứt hoặc thay đổi, nhưng sẽ là cộng dồn vào các quyền mà Ngân hàng và Khách hàng đang có ở bất kỳ văn bản nào và không một điều khoản nào trong Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này hàm ý hạn chế hoặc xóa bỏ bất kỳ quyền nào trong số các quyền của Ngân hàng
- 3. Các hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân:**
 - 3.1 Thu thập dữ liệu cá nhân**
 - 3.1.1 Để Ngân hàng có thể cung cấp các sản phẩm, dịch vụ cho Khách hàng và/hoặc xử lý các yêu cầu của Khách hàng, Ngân hàng có thể cần phải và/hoặc được yêu cầu phải thu thập dữ liệu cá nhân, bao gồm: (i) Dữ liệu cá nhân cơ bản và (ii) Dữ liệu cá nhân nhạy cảm có liên quan đến Khách hàng và các cá nhân có liên quan của Khách hàng.
 - 3.1.2 Ngân hàng có thể thu thập trực tiếp hoặc gián tiếp những dữ liệu cá nhân này từ Khách hàng hoặc trong quá trình Ngân hàng cung cấp bất kỳ sản phẩm, dịch vụ nào cho Khách hàng, và từ các nguồn sau bao gồm nhưng không giới hạn:

- a) Thông qua quan hệ được thiết lập giữa Ngân hàng và Khách hàng khi Khách hàng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng hoặc tham gia vào các chương trình, hoạt động của Ngân hàng;
- b) Từ các nhà cung cấp, bên cung cấp dịch vụ, đối tác, bên liên kết và các bên thứ ba có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- c) Từ các bên thứ ba có quan hệ với Khách hàng, bao gồm nhưng không giới hạn người sử dụng lao động, đồng sở hữu tài khoản, bên bảo lãnh, bên cung cấp biện pháp bảo đảm; bên giao dịch;
- d) Từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác tại Việt Nam;
- e) Từ hoạt động phân tích các hoạt động của Khách hàng trong quá trình sử dụng các sản phẩm dịch vụ tại Ngân hàng;
- f) Từ nguồn của bên thứ ba, mà Khách hàng đồng ý việc chia sẻ/cung cấp dữ liệu cá nhân, hoặc những nguồn mà việc thu thập phù hợp với quy định của pháp luật.

3.2 Mục đích xử lý dữ liệu cá nhân:

3.2.1 Ngân hàng được quyền xử lý dữ liệu cá nhân cho các mục đích sau đây:

- a) Xác minh tính chính xác, đầy đủ của các thông tin được Khách hàng cung cấp; xác định hoặc xác thực danh tính của Khách hàng và thực hiện quy trình xác thực khách hàng;
- b) Triển khai, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ cho Khách hàng; xác lập bất cứ giao dịch nào giữa Ngân hàng với Khách hàng (bao gồm nhưng không giới hạn các sản phẩm của bên thứ ba như sản phẩm đầu tư hoặc bảo hiểm);
- c) Thẩm định hồ sơ pháp lý, tín dụng, tài sản và khả năng đủ điều kiện của Khách hàng đối với bất kỳ sản phẩm và dịch vụ nào do Ngân hàng đề xuất hoặc cung cấp;
- d) Liên hệ với Khách hàng nhằm trao đổi thông tin, giao các hóa đơn, các sao kê, các báo cáo hoặc các tài liệu khác có liên quan;
- e) Thông báo cho Khách hàng các thông tin về quyền lợi, thay đổi các tính năng của sản phẩm, dịch vụ;
- f) Quản lý và đánh giá các hoạt động kinh doanh bao gồm thiết kế, cải tiến và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng hoặc thực hiện các hoạt động truyền thông tiếp thị;
- g) Lập các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động hoặc các loại báo cáo liên quan khác theo quy định pháp luật;
- h) Thực hiện nghiên cứu thị trường, khảo sát và phân tích dữ liệu liên quan đến bất kỳ các sản phẩm, dịch vụ nào do Ngân hàng cung cấp (dù được thực hiện bởi Ngân hàng hay một bên thứ ba khác mà Ngân hàng hợp tác) mà có thể liên quan đến Khách hàng;
- i) Bảo vệ lợi ích hợp pháp của Ngân hàng và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan;
- j) Ngăn chặn hoặc giảm thiểu mối đe dọa đối với tính mạng, sức khỏe của người khác và lợi ích công cộng;
- k) Để đáp ứng, tuân thủ các chính sách nội bộ của Ngân hàng, các thủ tục và bất kỳ quy tắc, quy định, hướng dẫn, chỉ thị hoặc yêu cầu được ban hành bởi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.
- l) Để đánh giá bất kỳ yêu cầu mua lại, tiến hành giao dịch mua lại, chuyển giao việc kinh doanh và/hoặc tài sản, chuyển giao hoặc chuyển nhượng quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ theo (những) hợp đồng giữa Khách hàng với Ngân hàng;
- m) Để bảo vệ hoặc thực thi các quyền của Ngân hàng, bao gồm việc để thu các khoản phí, lệ phí, và/hoặc để thu hồi bất kỳ khoản nợ nào, theo bất kỳ thỏa thuận nào giữa Khách hàng và Ngân hàng.
- n) Cho các nhà cung cấp/các bên cung cấp dịch vụ/đối tác của Ngân hàng để thực hiện dịch vụ cho Khách hàng và/hoặc Ngân hàng;
- o) Để phục vụ hoạt động kiểm toán, quản lý rủi ro và tuân thủ của Ngân hàng;

- p) Để nhận biết, xác minh và duy trì thông tin chính xác về nhận biết Khách hàng (KYC), thực hiện việc tìm kiếm, xác minh và kiểm tra phòng chống rửa tiền, FATCA, tín dụng hoặc các kiểm tra khác theo yêu cầu;
 - q) Ngân hàng được sử dụng dữ liệu cá nhân của Khách hàng được ghi lại bởi hệ thống an ninh giám sát cho các mục đích sau đây: (i) cho mục đích an ninh công cộng và an toàn lao động; (ii) phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm có thể phát sinh tại các địa điểm kinh doanh của Ngân hàng hoặc trong việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng; (iii) phát hiện và ngăn chặn hành vi phạm tội; và/hoặc để tiến hành điều tra các vấn đề phát sinh khác.
- 3.2.2 Ngân hàng sẽ yêu cầu sự đồng ý từ Khách hàng trước khi sử dụng dữ liệu cá nhân của Khách hàng cho mục đích khác ngoài các mục đích đã được nêu tại Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3.3 Xử lý dữ liệu cá nhân trong một số trường hợp đặc biệt:

- 3.3.1 Ngân hàng sẽ có thể ghi âm, ghi hình và xử lý dữ liệu cá nhân thu thập được từ camera quan sát ("CCTV") tại các khu vực có lắp CCTV (bao gồm nhưng không giới hạn bởi khu vực ATM, khu vực ở hành lang, khu vực lối ra/lối...) phù hợp với các yêu cầu đảm bảo an ninh trong hoạt động Ngân hàng và cho Khách hàng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Ngân hàng đảm bảo sẽ có phương thức thông báo phù hợp đến Khách hàng theo đúng quy định của pháp luật.
- 3.3.2 Ngân hàng luôn tôn trọng và bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em. Ngoài các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân được quy định theo pháp luật, trước khi xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em, Ngân hàng sẽ thực hiện xác minh tuổi của trẻ em và yêu cầu sự đồng ý của (i) trẻ em và/hoặc (ii) cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em theo quy định của pháp luật.
- 3.3.3 Đối với việc xử lý dữ liệu cá nhân liên quan đến dữ liệu cá nhân của người bị tuyên bố mất tích/người đã chết, Ngân hàng sẽ phải được sự đồng ý của vợ, chồng hoặc con thành niên của người đó, trường hợp không có những người này thì phải được sự đồng ý của cha, mẹ của người bị tuyên bố mất tích, người đã chết trừ trường hợp quy định tại 3.3.1 và 3.3.4
- 3.3.4 Xử lý dữ liệu cá nhân trong trường hợp không cần sự đồng ý của Chủ thể dữ liệu:
- a) Trong trường hợp khẩn cấp, cần xử lý ngay dữ liệu cá nhân có liên quan để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của chủ thể dữ liệu hoặc người khác.
 - b) Việc công khai dữ liệu cá nhân theo quy định của luật.
 - c) Việc xử lý dữ liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm; khi có nguy cơ đe dọa an ninh, quốc phòng nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; phòng, chống bạo loạn, khủng bố, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật theo quy định của luật.
 - d) Để thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của chủ thể dữ liệu với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của luật
 - e) Phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước đã được quy định theo luật chuyên ngành

3.4 Việc chuyển giao và cung cấp dữ liệu cá nhân:

- 3.4.1 Nhằm thực hiện các mục đích và hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân tại Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này, Ngân hàng có thể cung cấp dữ liệu cá nhân của Khách hàng hoặc dữ liệu cá nhân của các bên thứ ba có liên quan đến Khách hàng, cho một hoặc các bên dưới đây:
- a) Các đối tác kinh doanh, nhà cung cấp phần thưởng, nhà cung cấp quà tặng, các bên đồng thương hiệu, chương trình khách hàng thân thiết, các nhà quảng cáo, tổ chức từ thiện hoặc tổ chức phi lợi nhuận; bất kỳ tổ chức tín dụng, đại lý và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính, thương nhân, tổ chức chuyển mạch thẻ, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, đơn vị chấp nhận thẻ, tổ chức thẻ quốc tế VISA, tổ chức thẻ quốc tế

MasterCard và các tổ chức thẻ khác liên quan đến bất kỳ sản phẩm, dịch vụ nào mà Ngân hàng cung cấp cho Khách hàng;

- b) Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc bất kỳ cá nhân, cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan quản lý hoặc bên thứ ba mà Ngân hàng được phép hoặc bắt buộc phải tiết lộ theo quy định pháp luật của bất kỳ quốc gia, hoặc theo bất kỳ hợp đồng/thỏa thuận hoặc cam kết nào khác giữa bên thứ ba và Ngân hàng;
- c) Các công ty thành viên, công ty con của Ngân hàng;
- d) Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan hoặc tổ chức nào khác được thành lập bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan khác có thẩm quyền đối với Ngân hàng;
- e) Bất kỳ cá nhân nào sở hữu tài khoản chung/tài sản chung cùng với Khách hàng;
- f) Bất kỳ cá nhân nào có liên quan đến việc thực thi hoặc duy trì bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào theo (các) thỏa thuận giữa Khách hàng với Ngân hàng;
- g) Các bên thứ ba mà Khách hàng đồng ý để chia sẻ dữ liệu cá nhân của Khách hàng.

4. Chuyển giao dữ liệu cá nhân ra nước ngoài:

- 4.1 Nhằm thực hiện mục đích xử lý dữ liệu cá nhân tại Điều khoản và điều kiện về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này, Ngân hàng có thể phải cung cấp/chia sẻ dữ liệu cá nhân của Khách hàng đến các bên thứ ba liên quan của Ngân hàng và các bên thứ ba này có thể tại Việt Nam hoặc bất cứ địa điểm nào khác nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- 4.2 Khi thực hiện việc cung cấp/chia sẻ dữ liệu cá nhân ra nước ngoài, Ngân hàng sẽ yêu cầu bên tiếp nhận đảm bảo rằng dữ liệu cá nhân của Khách hàng được chuyển giao cho họ sẽ bảo mật và an toàn. Ngân hàng đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ pháp lý và quy định liên quan đến việc chuyển giao dữ liệu cá nhân của Khách hàng.

5. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng liên quan đến dữ liệu cá nhân cung cấp cho Ngân hàng

- 5.1 Khách hàng có các quyền sau đây: (i) Quyền được biết; (ii) Quyền đồng ý; (iii) Quyền truy cập; (iv) Quyền rút lại sự đồng ý; (v) Quyền xóa dữ liệu; (vi) Quyền hạn chế xử lý dữ liệu; (vii) Quyền cung cấp dữ liệu; (viii) Quyền phản đối xử lý dữ liệu; (ix) Quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện; (x) Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại; (xi) Quyền tự bảo vệ và các quyền có liên quan khác theo quy định của pháp luật.
- 5.2 Trong phạm vi pháp luật cho phép, Khách hàng có thể thực hiện các quyền của mình bằng cách liên hệ trực tiếp với Ngân hàng hoặc thông qua tổng đài Chăm sóc khách hàng.
- 5.3 Ngân hàng, bằng sự nỗ lực hợp lý, sẽ thực hiện yêu cầu hợp pháp và hợp lệ từ Khách hàng trong khoảng thời gian luật định kể từ khi nhận được yêu cầu hoàn chỉnh và hợp lệ và phí xử lý liên quan (nếu có) từ Khách hàng, tùy thuộc vào quyền của Ngân hàng được viện dẫn đến bất kỳ sự miễn trừ và/hoặc ngoại lệ nào theo quy định pháp luật.
- 5.4 Khi Khách hàng rút lại sự đồng ý của mình đối với bất kỳ hoặc tất cả các mục đích, yêu cầu xóa Dữ liệu, yêu cầu hạn chế xử lý dữ liệu hoặc phản đối xử lý dữ liệu, tùy thuộc vào yêu cầu của Khách hàng, việc thực hiện theo các yêu cầu của Khách hàng, việc thực hiện theo các yêu cầu này có thể làm cho việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng bị giới hạn, hạn chế, tạm ngừng, hủy bỏ, ngăn cản hoặc bị cấm đoán. Các yêu cầu của Khách hàng tại quy định này dẫn đến việc Ngân hàng có thể sẽ không cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm, dịch vụ đầy đủ và chất lượng như thông thường hoặc tùy trường hợp Ngân hàng có thể quyết định việc ngừng, không tiếp tục cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ. Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm với Khách hàng cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh và các quyền hợp pháp của Ngân hàng sẽ được bảo lưu một cách rõ ràng đối với việc giới hạn, hạn chế, tạm ngừng, hủy bỏ, ngăn cản, hoặc cấm đoán đó.

Trong những trường hợp mà Dữ liệu cá nhân do Khách hàng đã cung cấp là điều kiện tiên quyết cho việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ, các yêu cầu về thu hồi sự đồng ý, xóa dữ liệu, hạn chế xử lý dữ liệu mà Khách hàng đưa ra có thể được Ngân hàng xem là quyết định chấm dứt từ phía Khách hàng cho bất kỳ mối quan hệ hợp đồng nào mà Khách hàng có với Ngân hàng.

- Các yêu cầu của Khách hàng tại Quy định này không ảnh hưởng đến tính hợp pháp của các hoạt động xử lý Dữ liệu trước đó của Ngân hàng
- 5.5 Vì mục đích bảo mật, Khách hàng cần phải đưa ra yêu cầu của mình bằng văn bản hoặc sử dụng phương pháp khác để chứng minh và xác thực danh tính của Khách hàng. Ngân hàng có thể yêu cầu Khách hàng xác minh danh tính trước khi xử lý yêu cầu của Khách hàng.
- 6. Biện pháp Bảo mật dữ liệu cá nhân:**
- 6.1 Ngân hàng xem các dữ liệu cá nhân của Khách hàng như là tài sản quan trọng nhất của Ngân hàng và Ngân hàng đảm bảo tính bảo mật, an toàn, tuân thủ pháp luật, hạn chế các hậu quả, thiệt hại không mong muốn có khả năng xảy ra (bao gồm nhưng không giới hạn: rò rỉ dữ liệu hoặc xử lý dữ liệu không phù hợp gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Khách hàng). Trách nhiệm bảo mật dữ liệu cá nhân của Khách hàng là yêu cầu bắt buộc Ngân hàng đặt ra cho toàn thể nhân viên.
- 6.2 Ngân hàng thực hiện trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật hiện hành và thường xuyên xem xét và cập nhật các biện pháp xử lý và kỹ thuật xử lý dữ liệu cá nhân của Khách hàng (nếu có).
- 7. Lưu trữ dữ liệu cá nhân**
- 7.1 Dữ liệu cá nhân của Khách hàng do Ngân hàng lưu trữ sẽ được bảo mật. Ngân hàng sẽ thực hiện các biện pháp hợp lý để bảo vệ dữ liệu cá nhân của Khách hàng.
- 7.2 Ngân hàng lưu trữ dữ liệu cá nhân của Khách hàng trong khoảng thời gian cần thiết để hoàn thành các mục đích theo Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này, trừ khi thời gian lưu trữ dữ liệu cá nhân lâu hơn được yêu cầu hoặc cho phép bởi các quy định pháp luật hiện hành.
- 8. Sửa đổi**
- Ngân hàng được quyền sửa đổi, cập nhật hoặc điều chỉnh các điều khoản của Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này phù hợp với quy định của pháp luật trong từng thời kỳ và/hoặc nhằm đảm bảo hiệu quả của việc bảo vệ dữ liệu cá nhân đảm bảo quyền lợi của khách hàng và Ngân hàng. Thông báo về sự sửa đổi, cập nhật hoặc điều chỉnh Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân sẽ được cập nhật, đăng tải trên trang điện tử của Ngân hàng: <https://www.ncb-bank.vn/> và/hoặc Mobile banking/Internet banking và/hoặc thông báo đến khách hàng thông qua các phương tiện khác phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa Ngân hàng và khách hàng.
9. Khách hàng đã đọc, tìm hiểu và nắm được đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của Chủ thể dữ liệu với tư cách là Chủ thể dữ liệu, loại Dữ liệu cá nhân được xử lý, mục đích xử lý và các tổ chức, cá nhân được Xử lý dữ liệu cá nhân.

PHỤ LỤC 02: ĐIỀU KHOẢN VỀ CHIẾT KHẤU

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Tại Phụ lục này, các từ ngữ được giải thích như sau:

1. *Chiết khấu hối phiếu*: là việc NCB mua có bảo lưu quyền truy đòi các Hối phiếu của Bên được cấp tín dụng là bên bán hàng trước khi đến hạn thanh toán hối phiếu thông qua việc ứng trước tiền để được nhận chuyển nhượng quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến Hối phiếu theo thỏa thuận.
2. *Bên Mua*: Là bên mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ và có nghĩa vụ thanh toán các Hối phiếu phát sinh từ Hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Bên Mua là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, theo quy định của pháp luật Việt Nam, không bao gồm doanh nghiệp là pháp nhân nước ngoài.
3. *Hợp đồng cấp mức/hạn mức chiết khấu hối phiếu* là Hợp đồng quy định về việc cấp và sử dụng các khoản chiết khấu hối phiếu theo phương thức thanh toán hoàn trả sau tại NCB và bao gồm các phụ lục, các văn bản/tài liệu khác có liên quan đính kèm thành một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này và các văn bản sửa đổi/bổ sung do các bên ký (nếu có) tùy từng thời điểm;
4. *Hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ*: là văn bản thỏa thuận giữa Bên Mua và Bên được cấp tín dụng về việc mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, bao gồm toàn bộ các đơn đặt hàng phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các phụ lục/văn bản xác nhận/thông báo sửa đổi/bổ sung/quy định chi tiết Hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ/văn bản liên quan khác kèm theo.
5. *Khoản chiết khấu* là các khoản chiết khấu mà NCB cung cấp cho Bên được cấp tín dụng theo quy định tại Văn Kiện Tín Dụng.
6. *Khoản phải thu* là số tiền mà Bên được cấp tín dụng có quyền nhận được từ người mua theo Hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
7. *Nghĩa vụ tài chính* là toàn bộ số tiền Bên được cấp tín dụng phải trả phát sinh liên quan đến Khoản chiết khấu được NCB tài trợ trên cơ sở các Văn Kiện tín dụng đã ký (bao gồm gốc, lãi, phí, khoản tiền phạt chậm trả lãi và các chi phí khác (nếu có) phát sinh trong quá trình thực hiện Văn Kiện tín dụng).
8. *Hạn Mức chiết khấu* là giá trị tối đa của các khoản chiết khấu theo quy định tại Văn Kiện Tín Dụng do NCB cấp cho Bên được cấp tín dụng và được duy trì trong Thời hạn sử dụng hạn mức chiết khấu.
9. *Mức chiết khấu hối phiếu (viết tắt là Mức chiết khấu)*: là tổng giá trị các khoản chiết khấu quy định tại Văn Kiện Tín Dụng do NCB cấp cho Bên được cấp tín dụng trong một khoảng thời gian nhất định theo thỏa thuận của NCB và Bên được cấp tín dụng.
10. *Sử Dụng Khoản chiết khấu hối phiếu* là việc Bên được cấp tín dụng sử dụng tiền chiết khấu do NCB giải ngân theo các Văn Kiện Tín Dụng.
11. *Dư Nợ* là toàn bộ số tiền nợ (bao gồm dư nợ gốc, lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các khoản chi phí, khoản phải thu khác) phát sinh theo các Văn Kiện Tín Dụng mà Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ phải thanh toán cho NCB.
12. *Thời Hạn Sử Dụng Hạn Mức chiết khấu hối phiếu* là khoảng thời gian Bên được cấp tín dụng được phép rút vốn trong Hạn Mức chiết khấu hối phiếu để sử dụng Hạn Mức chiết khấu hối phiếu nếu được NCB chấp thuận.
13. *Lãi Suất Cơ Sở/Lãi suất tham chiếu* là mức lãi suất được NCB ban hành theo từng thời kỳ đối với sản phẩm chiết khấu hối phiếu, từng kỳ hạn chiết khấu hối phiếu, từng Bên được cấp tín dụng

để làm cơ sở xác định Lãi suất của chiết khấu hối phiếu trong trường hợp NCB và Bên được cấp tín dụng thỏa thuận áp dụng lãi suất thả nổi.

14. **Biên Độ Lãi Suất** là mức chênh lệch giữa Lãi suất của Khoản chiết khấu hối phiếu và Lãi Suất Cơ Sở. Biên độ lãi suất sẽ do NCB và Bên được cấp tín dụng thỏa thuận hoặc do NCB công bố trong từng thời kỳ được quy định tại Văn Kiện Tín Dụng.
15. **Quyền Truy Đòi:** Là quyền NCB được phép áp dụng khi (i) Ngay sau ngày đến hạn thanh toán hối phiếu mà Bên được cấp tín dụng chưa thanh toán, (ii) Có dấu hiệu trong hoạt động kinh doanh của Bên được cấp tín dụng ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả khoản giải ngân chiết khấu của Bên được cấp tín dụng; (iii) NCB phải thực hiện hoàn trả, nộp lại giá trị hối phiếu đã chiết khấu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, theo đó NCB sẽ có quyền yêu cầu Bên được cấp tín dụng thực hiện việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đã giải ngân chiết khấu, lãi và các chi phí phát sinh theo Văn Kiện Tín Dụng cho NCB.
16. **Thời hạn Khoản chiết khấu hối phiếu:** là khoảng thời gian tính từ ngày tiếp theo của ngày NCB nhận chiết khấu hối phiếu đến ngày đến hạn thanh toán toàn bộ số tiền ghi trên hối phiếu đó bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn khoản chiết khấu hối phiếu là ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ, thì thời hạn kết thúc chuyển sang ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó. Đối với thời hạn chiết khấu hối phiếu không đủ một ngày thì thời hạn chiết khấu hối phiếu được xác định theo quy định tại Bộ luật dân sự về thời điểm bắt đầu thời hạn.
17. **Đề nghị chiết khấu hối phiếu:** là đề nghị của Bên được cấp tín dụng gửi cho NCB bằng hình thức bản giấy, thể hiện tối thiểu các nội dung về giá trị yêu cầu chiết khấu hối phiếu, thời hạn chiết khấu hối phiếu, thông tin lãi suất và phí chiết khấu hối phiếu.

Điều 2. Các hối phiếu được chiết khấu

Các Hối phiếu được chiết khấu phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Là hối phiếu nội địa và được phát sinh trong giao dịch giữa các bên là doanh nghiệp trong nước.
2. Là hối phiếu trả chậm có thời hạn thanh toán vào một ngày được xác định cụ thể ghi trên hối phiếu. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán trùng vào ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ cuối tuần thì ngày cuối cùng của thời hạn là ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ cuối tuần đó.
3. Hối phiếu có đầy đủ các nội dung theo quy định pháp luật và được phát hành hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và của NCB trong từng thời kỳ.
4. Hối phiếu thuộc quyền thụ hưởng hợp pháp của Bên được cấp tín dụng, không có tranh chấp, không sử dụng để cầm cố, bảo đảm cho nghĩa vụ khác.
5. Trên hối phiếu không ghi cụm từ “Không được chuyển nhượng”, “Cấm chuyển nhượng”, “Không trả theo lệnh” hoặc cụm từ có ý nghĩa tương tự.
6. Hối phiếu chưa đến hạn thanh toán.
7. Hối phiếu còn nguyên vẹn, không tẩy xóa, sửa chữa.
8. Hối phiếu được lập bằng tiếng Việt.
9. Hối phiếu có thời hạn thanh toán còn lại của hối phiếu không vượt quá 12 tháng.
10. Nghĩa vụ theo Hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ phát sinh hối phiếu đã hoàn thành.
11. Hối phiếu chưa được chuyển nhượng cho bên nào khác.

Điều 3. Phương thức thanh toán khoản chiết khấu, lãi, phí, chi phí khác

1. Bên được cấp tín dụng trả một lần hoặc nhiều lần số tiền gốc, lãi, phí và các chi phí khác cho NCB theo thỏa thuận cụ thể tại từng Văn Kiện Tín Dụng.
2. Khi hết thời hạn Khoản chiết khấu mà NCB không nhận được tiền thanh toán từ Bên mua, Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền đã được Chiết khấu, lãi và hoặc phí và các loại chi phí phát sinh cho NCB.
3. NCB được quyền tự động trích các khoản tiền thanh toán từ Bên Mua cho Bên được cấp tín dụng và từ các nguồn khác của Bên được cấp tín dụng để thu hồi số tiền đã chiết khấu (gốc, lãi, phí, khoản tiền phạt chậm trả lãi và các chi phí khác (nếu có) phát sinh trong quá trình thực hiện Văn Kiện Tín Dụng). Sau khi NCB thu hồi đầy đủ nghĩa vụ tài chính của Bên được cấp tín dụng liên quan đến Khoản chiết khấu, NCB sẽ chuyển số tiền còn thừa cho Bên được cấp tín dụng trong trường hợp số tiền hồi phiếu do Bên mua thanh toán cho Bên được cấp tín dụng lớn hơn nghĩa vụ tài chính của Bên được cấp tín dụng liên quan đến Khoản Chiết khấu. Tài khoản nhận số tiền còn thừa là tài khoản thanh toán của Bên được cấp tín dụng tại NCB theo quy định tại Văn Kiện Tín Dụng hoặc theo Thông báo của Bên được cấp tín dụng .
4. Trường hợp Bên mua không thanh toán Hồi phiếu cho Bên được cấp tín dụng qua tài khoản theo quy định tại Văn Kiện Tín Dụng, Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ thông báo và chuyển ngay lập tức những khoản tiền thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào nhận được từ Bên Mua về Tài khoản chiết khấu của Bên được cấp tín dụng tại NCB hoặc NCB có quyền tự động trích tài khoản thanh toán của KH mở tại NCB để thu hồi khoản chiết khấu, lãi, phí và các chi phí phát sinh nếu có mà không cần thông báo trước cho Bên được cấp tín dụng .
5. Trường hợp tại ngày đến hạn Hồi phiếu đòi nợ mà Bên mua không thanh toán cho Bên được cấp tín dụng hoặc NCB thực hiện thu hồi một phần hay toàn bộ Khoản chiết khấu trước hạn, Bên được cấp tín dụng có thể thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản và đồng ý ủy quyền vô điều kiện và không hủy ngang cho NCB được áp dụng biện pháp trích tiền theo quy định tại Văn Kiện Tín Dụng và/hoặc Bản điều khoản điều kiện chung để thu nợ Chiết khấu, lãi, phí, chi phí và các khoản phải thanh toán khác phát sinh liên quan đến nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng theo Hợp đồng cấp mức/hạn mức chiết khấu hồi phiếu và các Văn kiện tín dụng.
6. Bên được cấp tín dụng được chiết khấu bằng đồng tiền nào sẽ thực hiện thanh toán bằng đồng tiền đó. Đồng tiền chiết khấu được các bên thỏa thuận cụ thể tại từng Văn Kiện Tín Dụng, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và của Ngân hàng nhà nước và quy định của NCB từng thời kỳ. Trong trường hợp đồng tiền thanh toán của Bên được cấp tín dụng khác với đồng tiền chiết khấu ban đầu, thì NCB được toàn quyền thực hiện việc quy đổi sang đồng tiền chiết khấu theo tỷ giá bán công bố của NCB xác định tại thời điểm quy đổi mà không cần phải có thêm bất kỳ một hợp đồng/thỏa thuận mua bán ngoại tệ nào khác giữa các Bên.

Điều 4. Xử lý trong trường hợp có tranh chấp thương mại

1. Khi xảy ra tranh chấp thương mại giữa Bên được cấp tín dụng và Bên mua, NCB được quyền truy đòi Bên được cấp tín dụng theo các phương thức tại Văn Kiện Tín Dụng. Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ giải quyết các tranh chấp hay khiếu nại và thanh toán toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp (kể cả phát sinh từ phía NCB trong công tác hỗ trợ, phối hợp giải quyết tranh chấp giữa Bên được cấp tín dụng và Bên mua).
2. Khi nhận được thông báo, thông tin về tranh chấp thương mại từ phía Bên mua, Bên được cấp tín dụng phải thông báo ngay cho NCB về sự kiện tranh chấp.
3. Nếu tranh chấp thương mại dẫn đến việc Bên bán hàng không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, ảnh hưởng tới việc Bên được cấp tín dụng thanh toán các hồi phiếu (bao gồm cả khoản phải thu có tranh chấp và các khoản phải thu khác) thì các Hồi phiếu không được thanh toán cũng được

coi là có tranh chấp. NCB sẽ không thực hiện chiết khấu cho các hối phiếu có và/hoặc liên quan đến tranh chấp nếu các hối phiếu đó chưa được chiết khấu.

Điều 5. Ngừng giải ngân theo mức/hạn mức chiết khấu

Trường hợp hai Bên có văn bản thỏa thuận khác, NCB có quyền ngừng cung cấp dịch vụ chiết khấu, thu hồi một phần hay toàn bộ Khoản Chiết khấu trước hạn, ngừng hoặc chấm dứt việc giải ngân các Khoản Chiết khấu theo quy định tại Văn Kiện Tín Dụng khi có một trong những sự kiện sau:

1. Bên được cấp tín dụng không đáp ứng được các điều kiện chiết khấu tại Văn Kiện Tín Dụng và Bản điều khoản điều kiện chung này;
2. NCB phát hiện tài liệu, thông tin, báo cáo liên quan đến hoạt động kinh doanh, sử dụng vốn chiết khấu, mục đích khoản chiết khấu, tài sản bảo đảm (nếu có) của Bên được cấp tín dụng /Bên Bảo Đảm là không chính xác, không đầy đủ, sai sự thật;
3. Bên được cấp tín dụng không báo cáo việc sử dụng Khoản Chiết khấu, hoặc Bên được cấp tín dụng không chứng minh được Khoản Chiết khấu được sử dụng đúng mục đích ghi trong Văn Kiện Tín Dụng, không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc cung cấp không đúng thời hạn các chứng từ chứng minh việc sử dụng Khoản Chiết khấu và các loại chứng từ khác (nếu có) liên quan đến việc sử dụng Khoản Chiết khấu theo quy định hoặc yêu cầu của NCB; hoặc Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu, chỉ dẫn của NCB liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Hợp đồng cấp mức/hạn mức chiết khấu hối phiếu, duy trì các Văn Kiện Tín Dụng, kể cả việc sử dụng dịch vụ của Bên thứ ba do NCB chỉ định.
4. Bên được cấp tín dụng không trả hay chậm trả nợ gốc hoặc chậm trả nợ lãi chiết khấu hoặc chậm trả nợ phí (nếu có) theo quy định Văn Kiện Tín Dụng hoặc chậm trả các chi phí khác (nếu có); hoặc phát sinh bất kỳ khoản nợ quá hạn, nhận nợ bất buộc nào tại NCB hoặc tại Bên thứ Ba hoặc Bên được cấp tín dụng có vi phạm nghĩa vụ thuế.
5. Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên Bảo Đảm (nếu là pháp nhân):
 - a) Bị yêu cầu/tự yêu cầu tuyên bố phá sản, giải thể, thanh lý, không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thanh toán;
 - b) Tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh từ 3 tháng trở lên; hoặc thực hiện chuyển đổi (cổ phần hoá, chia, tách, sáp nhập, chuyển nhượng hoặc thay đổi loại hình tổ chức hoạt động) mà không trả hết nghĩa vụ tài chính với NCB hoặc không thông báo bằng văn bản cho NCB về việc chuyển đổi và đề nghị cho chuyển nghĩa vụ tài chính sang tổ chức mới trong trường hợp không thể trả hết nợ theo quy định của NCB hoặc không có văn bản đồng ý nhận nợ của doanh nghiệp hình thành từ chuyển đổi hoặc văn bản đồng ý nhận nợ trên không được NCB chấp thuận;
 - c) Liên quan đến các vụ kiện, vụ án, hoặc có những thay đổi về vốn điều lệ, Giám đốc, thành viên góp vốn/cổ đông, hoặc những thay đổi về môi trường kinh doanh mà theo quan điểm của NCB thì có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng trả nợ của Bên được cấp tín dụng theo Văn Kiện Tín Dụng;
 - d) Có Tổng giám đốc, Giám đốc, chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch công ty, chủ doanh nghiệp hoặc những người quản lý khác của doanh nghiệp bị bắt giữ, truy tố, bị khởi tố, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc phải chấp hành bản án hình sự;
 - e) Tài sản của Bên được cấp tín dụng bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ; hoặc

- f) Vi phạm bất cứ nghĩa vụ nào tại Hợp Đồng Bảo Đảm;
6. Bên được cấp tín dụng vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước hoặc Bên được cấp tín dụng vi phạm bất cứ nghĩa vụ, trách nhiệm, cam đoan, bảo đảm nào của mình quy định tại các Văn Kiện Tín Dụng.
 7. Có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc NCB phải thu hồi nợ trước hạn; hoặc phát sinh sự kiện thay đổi, ban hành mới chính sách, quy định pháp luật hay các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan tới việc chiết khấu hối phiếu, lãi suất chiết khấu hối phiếu cách tính lãi phí hoặc các sự kiện bất khả kháng/trường hợp khẩn cấp như khủng bố, chiến tranh, bạo động, đình công, bãi công, lãn công, biểu tình, thiên tai,... hoặc các sự kiện khác làm ảnh hưởng tới (i) hoạt động kinh doanh của NCB, (ii) ảnh hưởng tới quyền thu nợ gốc, lãi, phí, phạt... của NCB, (iii) ảnh hưởng tới tài sản bảo đảm hoặc (iv) ảnh hưởng tới việc thực hiện Văn Kiện Tín Dụng của Bên được cấp tín dụng cũng như khả năng thu hồi nợ của NCB.

Điều 6. Cam kết và bảo đảm của Bên được cấp tín dụng

Bên được cấp tín dụng cam kết và bảo đảm rằng:

1. Bên được cấp tín dụng là một tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật để ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng; Bên được cấp tín dụng đã có được và sẽ duy trì tất cả các phê chuẩn hay ủy quyền nội bộ liên quan đến việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng phù hợp với điều lệ của Bên được cấp tín dụng ;
2. Bên được cấp tín dụng không bị bất cứ ai tranh chấp, khiếu nại, khởi kiện, không có nghĩa vụ phải thi hành các bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền nào, hoặc không bị hạn chế theo bất cứ thỏa thuận nào Bên được cấp tín dụng hiện có với bên thứ ba khác có khả năng làm ảnh hưởng đến việc ký kết và thực hiện nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng theo Văn kiện tín dụng;
3. Mọi thông tin liên quan đến Bên được cấp tín dụng nêu tại các Văn Kiện Tín Dụng và/hoặc tại các văn bản sử dụng dịch vụ ngân hàng là các thông tin, địa chỉ mà Bên được cấp tín dụng đã đăng ký với NCB để nhận toàn bộ các thông tin từ NCB. Các thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng và/hoặc các thông báo của NCB gửi cho Bên được cấp tín dụng thông qua mọi phương thức như gửi tin nhắn (sms) hoặc thư điện tử (email) hoặc thư bảo đảm hoặc thư tín hoặc gửi trực tiếp tới số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ của Bên được cấp tín dụng theo thỏa thuận tại Văn Kiện Tín Dụng hoặc công bố công khai Lãi Suất Cơ Sở và các thông tin khác trên website của NCB có giá trị ràng buộc đối với Bên được cấp tín dụng .
4. Bên được cấp tín dụng cam kết cung cấp, chuyển giao cho NCB: các tài liệu liên quan đến Hối phiếu đòi nợ/ Khoản phải thu hình thành nên Hối phiếu đòi nợ theo yêu cầu của NCB tại bất kỳ thời điểm nào NCB yêu cầu; đồng thời chuyển giao quyền và lợi ích khác liên quan đến hối phiếu đòi nợ mà Bên được cấp tín dụng được hưởng theo quy định tại Hợp đồng mua bán, cung ứng dịch vụ.
5. Đồng ý cho NCB được toàn quyền sử dụng, cung cấp, chia sẻ, thu thập thông tin liên quan đến Bên được cấp tín dụng , Khoản Chiết khấu cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và bất kỳ bên thứ ba nào khác;
6. Bên được cấp tín dụng đồng ý cung cấp cho NCB danh sách các tài khoản thanh toán của Bên được cấp tín dụng tại các Tổ chức tín dụng khác và cung cấp sao kê các tài khoản thanh toán tại các Tổ chức tín dụng khác khác khi có yêu cầu của NCB. Bên được cấp tín dụng đồng ý cung cấp các tài liệu cho NCB để làm rõ các khoản tiền được ghi có vào tài khoản thanh toán của Bên được cấp tín dụng tại NCB và các Tổ chức tín dụng khác trong thời gian chiết khấu ở NCB khi các nội dung này không được thể hiện rõ ràng trên sao kê tài khoản thanh toán và NCB nghi ngờ khoản tiền được ghi có là khoản phải thu của Bên có nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ phát sinh hối phiếu được chiết khấu.

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của toàn bộ hồ sơ, tài liệu, thông tin, chứng từ đã lập, ký kết và cung cấp cho NCB bao gồm nhưng không giới hạn bởi:
 - a) Các hồ sơ, tài liệu, thông tin, chứng từ được quy định trong Văn kiện tín dụng.
 - b) Các hồ sơ khi đề nghị chiết khấu, các tài liệu để chứng minh việc áp dụng biện pháp bảo đảm đúng theo thỏa thuận với NCB.
 - c) Các tài liệu, chứng từ về việc sử dụng Mức/Hạn mức chiết khấu và khoản chiết khấu theo yêu cầu của NCB.
 - d) Các tài liệu liên quan đến tài khoản thanh toán/tài khoản tiền gửi, số tài khoản, số dư của tài khoản thanh toán/tài khoản tiền gửi, dư nợ tại các tổ chức tín dụng khác hàng tháng cũng như Báo cáo tài chính theo đúng quy định của pháp luật và các tài liệu liên quan đến Bảng tổng kết tài sản, báo cáo kết quả kinh doanh, tình trạng tài chính của Bên được cấp tín dụng theo yêu cầu của NCB.
 - e) NCB không có bất kỳ nghĩa vụ hay trách nhiệm nào phải kiểm chứng, kiểm tra, xác minh hiệu lực, giá trị pháp lý các văn bản hoặc thông tin liên quan đến các hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do Bên được cấp tín dụng gửi tới NCB.
8. Sử dụng toàn bộ các nguồn thu nhập tài chính của mình và toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc quyền sử dụng hợp pháp của mình để thanh toán hết các nghĩa vụ nợ của Bên được cấp tín dụng đối với NCB theo các Văn Kiện Tín Dụng. Bên được cấp tín dụng cam kết bằng mọi hình thức, sẽ tự nguyện bàn giao các tài sản nói trên của mình cho NCB và hỗ trợ NCB trong việc xử lý các tài sản đó để hoàn trả nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng với NCB.
9. Bên được cấp tín dụng cam kết và tự đảm bảo mục đích sử dụng vốn, phương án sử dụng vốn khả thi, đúng pháp luật, đúng thẩm quyền, phù hợp với năng lực của mình và có hiệu quả, đảm bảo đủ khả năng tài chính để thanh toán đầy đủ cho NCB các khoản đến hạn theo Văn kiện tín dụng và tạo mọi điều kiện để NCB thực hiện quyền kiểm tra, theo dõi, giám sát quá trình sử dụng Mức/Hạn Mức Chiết khấu, sử dụng các Khoản chiết khấu và trả nợ các Khoản chiết khấu của Bên được cấp tín dụng cũng như tình hình tài sản bảo đảm cho các Khoản Chiết khấu. Bên được cấp tín dụng cam kết cung cấp các hồ sơ chứng minh mục đích sử dụng tiền Chiết khấu theo yêu cầu của NCB và đảm bảo rằng các hồ sơ đó là hoàn toàn chính xác.
10. Thông báo kịp thời cho NCB khi có những thay đổi của Bên được cấp tín dụng về vốn, tài sản, tình hình tổ chức, tình trạng hoạt động/pháp lý, giải thể, lâm vào tình trạng phá sản, ngừng hoạt động, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, cổ phần hoá, chủ sở hữu, nhân sự thành viên Ban Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, người đại diện theo pháp luật, tổng giám đốc/giám đốc, kế toán trưởng, giám đốc tài chính các tranh chấp, các tình huống có khả năng ảnh hưởng tới việc hoàn trả tiền chiết khấu.
11. Bên được cấp tín dụng xác nhận tại đây rằng Bên được cấp tín dụng đã được NCB giải thích và cung cấp đầy đủ thông tin về các nội dung, điều khoản của Văn kiện tín dụng, điều kiện giao dịch chung biết trước khi ký kết Văn kiện tín dụng.
12. Chịu phạt vi phạm và Bồi thường mọi thiệt hại cho NCB nếu Bên được cấp tín dụng vi phạm Văn kiện tín dụng và các phụ lục sửa đổi, bổ sung (nếu có).
13. Bên được cấp tín dụng cam kết thông báo cho NCB ngay khi phát sinh một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Thay đổi các thông tin liên quan tới Bên được cấp tín dụng được quy định tại Văn Kiện Tín Dụng.
 - b) Thay đổi thông tin về tài sản bảo đảm/Bên Bảo Đảm.
 - c) Những thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có), mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh, vốn điều lệ, vốn đầu tư và các vấn đề khác trong nội dung

- Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư.
- d) Thay đổi về chủ doanh nghiệp, thay đổi người đại diện theo pháp luật, người quản lý (thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, chủ tịch, ban điều hành, kiểm soát, người sở hữu trên mức 5% vốn điều lệ của doanh nghiệp hoặc một mức khác theo quy định cụ thể tại Văn Kiện Tín Dụng) của doanh nghiệp.
 - e) Có Nghị quyết của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên hoặc quyết định của Chủ tịch công ty hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền khác theo quy định tại điều lệ doanh nghiệp liên quan đến quyết định đầu tư hoặc hợp đồng có giá trị lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp.
 - f) Các thông tin và tài liệu liên quan khi phát sinh sự kiện quy định Điều 7 Bản điều khoản điều kiện chung này.
 - g) Có kế hoạch chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, cổ phần hóa, hoặc chuẩn bị có thay đổi lớn về cơ cấu sở hữu, ngành nghề kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, giải thể, bị xem xét mở thủ tục phá sản; hoặc.
 - h) Ngay khi biết được cơ quan nhà nước có kế hoạch thu hồi một phần hoặc toàn bộ tài sản của Bên được cấp tín dụng hoặc có thông tin cơ quan nhà nước có kế hoạch kê biên, phong tỏa, cầm giữ một phần hoặc toàn bộ tài sản của Bên được cấp tín dụng ; hoặc
 - i) Có kế hoạch mua lại phần vốn góp, mua lại cổ phần của mình.
14. Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ cung cấp/thông báo cho NCB bất kỳ sự kiện nào ảnh hưởng tới việc sử dụng Khoản chiết khấu, việc thực hiện Văn kiện tín dụng hoặc khả năng trả nợ của Bên được cấp tín dụng .
15. Thực hiện đúng các quy định của Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tài sản (nếu có), văn bản thoả thuận về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng và tài liệu kèm theo (nếu có);

PHỤ LỤC 03: ĐIỀU KHOẢN VỀ BAO THANH TOÁN

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Tại Phụ lục này, các từ ngữ được giải thích như sau:

1. *Bao thanh toán bên bán hàng* (sau đây gọi là bao thanh toán) có cam kết hoàn trả: Là hình thức cấp tín dụng thông qua việc NCB mua lại các khoản phải thu của bên bán hàng. Bên bán hàng có trách nhiệm hoàn trả số tiền bao thanh toán trong trường hợp bên mua hàng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho NCB.
2. *Bên Mua hàng*: Là bên mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ và có nghĩa vụ thanh toán các Khoản phải thu theo quy định trong Hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Bên Mua là người cư trú theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.
3. *Bên Bán hàng*: là bên bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và có quyền lợi hợp pháp đối với các khoản phải thu theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Bên bán là người cư trú theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.
4. *Khoản phải thu*: Là số tiền mà bên bán hàng có quyền nhận được từ bên mua hàng theo hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
5. *Hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ*: là văn bản thỏa thuận giữa Bên Mua và Bên được cấp tín dụng về việc mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, bao gồm toàn bộ các đơn đặt hàng phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, các phụ lục/văn bản xác nhận/thông báo sửa đổi/bổ sung/quy định chi tiết Hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ/văn bản liên quan khác kèm theo.
6. *Bao thanh toán bên bán hàng có cam kết hoàn trả* là hình thức cấp tín dụng thông qua việc NCB mua lại các khoản phải thu của bên bán hàng. Bên bán hàng có trách nhiệm hoàn trả số tiền bao thanh toán trong trường hợp bên mua hàng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho đơn vị bao thanh toán
7. *Hợp Đồng Bao Thanh Toán* là Hợp đồng quy định về việc cấp và sử dụng các khoản bao thanh toán tại NCB này và bao gồm các phụ lục, các văn bản/tài liệu khác có liên quan đính kèm thành một bộ phận không tách rời của Hợp Đồng này và các bản sửa đổi/bổ sung do các Bên ký (nếu có) tùy từng thời điểm. Hợp đồng bao thanh toán bao gồm Hợp đồng cấp mức bao thanh toán hoặc Hợp đồng cấp hạn mức bao thanh toán.
8. *Khoản Bao Thanh Toán* là các khoản bao thanh toán mà NCB cung cấp cho Bên được cấp tín dụng theo quy định tại Văn Kiện Tín Dụng.
9. *Hạn Mức Bao Thanh Toán* Là mức nợ Bao thanh toán tối đa mà NCB cấp cho Bên được cấp tín dụng quy định tại Hợp Đồng Bao Thanh Toán và được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định tại Hợp Đồng Bao Thanh Toán. Trong thời hạn sử dụng hạn mức bao thanh toán, Bên được cấp tín dụng được quyền hoàn trả số tiền ứng trước và tiếp tục sử dụng số dư hạn mức trong giá trị hạn mức đã thỏa thuận. Trong trường hợp có biến động tỷ giá dẫn đến tổng Dư Nợ quy đổi tại một thời điểm nào đó trong thời hạn của Hợp Đồng Bao Thanh Toán vượt quá Hạn Mức Bao Thanh Toán nêu tại Hợp Đồng Bao Thanh Toán thì Hạn Mức Bao Thanh Toán sẽ tự động điều chỉnh để bao gồm phần Dư Nợ vượt quá do chênh lệch tỷ giá đó.
10. *Sử Dụng Khoản Bao Thanh Toán* là việc Bên được cấp tín dụng sử dụng tiền bao thanh toán do NCB giải ngân theo các Văn Kiện Tín Dụng.
11. *Dư Nợ* là toàn bộ số tiền nợ (bao gồm dư nợ gốc, lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các khoản chi phí, khoản phải thu khác) phát sinh theo các Văn Kiện Tín Dụng mà Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ phải thanh toán cho NCB.

12. *Thời Hạn Sử Dụng Hạn Mức Bao Thanh Toán* là khoảng thời gian Bên được cấp tín dụng được phép rút vốn trong Hạn Mức Bao Thanh Toán để sử dụng Hạn Mức Bao Thanh Toán nếu được NCB chấp thuận.
13. *Lãi Suất Cơ Sở/Lãi suất tham chiếu* là mức lãi suất được NCB ban hành theo từng thời kỳ đối với sản phẩm Bao Thanh Toán, từng kỳ hạn Bao Thanh Toán, từng khách hàng vay để làm cơ sở xác định Lãi suất của Khoản Bao Thanh Toán trong trường hợp NCB và Bên được cấp tín dụng thỏa thuận áp dụng lãi suất thả nổi.
14. *Biên Độ Lãi Suất* là mức chênh lệch giữa Lãi suất của Khoản Bao Thanh Toán và Lãi Suất Cơ Sở. Biên độ lãi suất sẽ do NCB và Bên được cấp tín dụng thỏa thuận hoặc do NCB công bố trong từng thời kỳ được quy định tại Văn Kiện Tín Dụng.
15. *Có cam kết hoàn trả*: Là việc Bên được cấp tín dụng cam kết chấp nhận cho NCB được phép áp dụng khi (i) Ngay sau ngày đến hạn thanh toán Khoản phải thu mà Bên được cấp tín dụng chưa thanh toán, (ii) Có dấu hiệu trong hoạt động kinh doanh của Bên được cấp tín dụng ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả khoản ứng trước của Bên được cấp tín dụng; (iii) NCB phải thực hiện hoàn trả, nộp lại khoản phải thu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, theo đó NCB sẽ có quyền yêu cầu Bên được cấp tín dụng thực hiện việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đã ứng trước, lãi và các chi phí phát sinh theo Văn Kiện Tín Dụng cho NCB.
16. *Thời hạn Khoản Bao Thanh Toán*: là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày NCB giải ngân/ứng trước số tiền bao thanh toán đầu tiên cho đến thời điểm nợ và lãi bao thanh toán phải thu hết theo thỏa thuận bao thanh toán cụ thể giữa NCB và Bên được cấp tín dụng. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn Khoản Bao Thanh Toán là ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ, thì thời hạn kết thúc chuyển sang ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó. Đối với thời hạn bao thanh toán không đủ một ngày thì thời hạn bao thanh toán được xác định theo quy định tại Bộ luật dân sự về thời điểm bắt đầu thời hạn.
17. *Đề nghị BTT*: là đề nghị của Bên được cấp tín dụng gửi cho NCB bằng hình thức bản giấy, thể hiện tối thiểu các nội dung về giá trị yêu cầu BTT, thời hạn BTT, thông tin lãi suất và phí BTT.

Điều 2. Các khoản phải thu được bao thanh toán

Các Khoản Phải thu được Bao Thanh Toán phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Khoản Phải thu được Bao Thanh Toán KHÔNG thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Phát sinh từ hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ bị pháp luật cấm.
 - b) Phát sinh từ hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ có thời hạn còn lại của khoản phải thu từ 01 (một) năm trở lên kể từ ngày nhận được đề nghị bao thanh toán.
 - c) Phát sinh từ hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ có thỏa thuận không được chuyển giao quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng.
 - d) Phát sinh từ hợp đồng cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.
 - e) Đã được bao thanh toán hoặc đã được sử dụng để đảm bảo cho nghĩa vụ nợ khác (*trừ trường hợp số tiền bao thanh toán không vượt quá giá trị của khoản phải thu sau khi trừ đi phần giá trị đã được bao thanh toán và đã được sử dụng để đảm bảo cho các nghĩa vụ nợ khác*).
 - f) Đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
 - g) Đang có tranh chấp trong việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
2. Khoản Phải thu không được sử dụng để đảm bảo cho nghĩa vụ nào và không có tranh chấp thương mại tại thời điểm NCB thực hiện bao thanh toán.
3. Khoản phải thu phải được chuyển nhượng cho NCB trước khi NCB giải ngân bao thanh toán và Bên được cấp tín dụng phải cam kết thanh toán các khoản phải thu khi đến hạn cho NCB.
4. Đối với các Khoản Phải thu có đồng tiền thanh toán bằng ngoại tệ thì phải đáp ứng các quy định

của pháp luật về quản lý ngoại hối.

Điều 3. Phương thức thanh toán khoản bao thanh toán, lãi, phí, chi phí khác

7. Bên được cấp tín dụng trả một lần hoặc nhiều lần số tiền gốc, lãi, phí và các chi phí khác cho NCB theo thỏa thuận cụ thể tại từng Văn Kiện Tín Dụng.
8. Tại ngày đến hạn Khoản Bao Thanh Toán, Bên được cấp tín dụng có thể thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản và đồng ý ủy quyền vô điều kiện và không hủy ngang cho NCB được áp dụng biện pháp trích tiền theo quy định tại Văn Kiện Tín Dụng và/hoặc Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này để thu nợ Bao Thanh Toán, lãi, phí, chi phí và các khoản phải thanh toán khác phát sinh liên quan đến nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng theo các Văn Kiện Tín Dụng.
9. Bên được cấp tín dụng được bao thanh toán bằng đồng tiền nào sẽ thực hiện thanh toán bằng đồng tiền đó. Đồng tiền bao thanh toán được các bên thỏa thuận cụ thể tại từng Văn Kiện Tín Dụng, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và của Ngân hàng nhà nước và quy định của NCB từng thời kỳ về quản lý ngoại hối nếu nhận nợ bằng ngoại tệ trường hợp bao thanh toán là ngoại tệ. Trong trường hợp đồng tiền thanh toán của Bên được cấp tín dụng khác với đồng tiền bao thanh toán ban đầu, thì NCB được toàn quyền thực hiện việc quy đổi sang đồng tiền bao thanh toán theo tỷ giá bán công bố của NCB xác định tại thời điểm quy đổi mà không cần phải có thêm bất kỳ một hợp đồng/thỏa thuận mua bán ngoại tệ nào khác giữa các Bên.

Điều 4. Xử lý trong trường hợp có tranh chấp thương mại

1. Khi xảy ra tranh chấp thương mại giữa Bên được cấp tín dụng và Bên Mua hàng, NCB được quyền yêu cầu hoàn trả Bên được cấp tín dụng theo các phương thức tại Văn Kiện Tín Dụng. Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ giải quyết các tranh chấp hay khiếu nại và thanh toán toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp (kể cả phát sinh từ phía NCB trong công tác hỗ trợ, phối hợp giải quyết tranh chấp giữa Bên được cấp tín dụng và Bên Mua hàng).
2. Khi nhận được thông báo tranh chấp thương mại từ phía Bên Mua hàng, Bên được cấp tín dụng phải thông báo ngay cho NCB về sự kiện tranh chấp.
3. Nếu tranh chấp thương mại dẫn đến việc Bên Mua hàng không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, ảnh hưởng tới việc Bên được cấp tín dụng thanh toán các khoản phải thu (bao gồm cả khoản phải thu có tranh chấp và các khoản phải thu khác) thì các khoản phải thu không được thanh toán cũng được coi là có tranh chấp. NCB sẽ không thực hiện Bao thanh toán cho các khoản phải thu có và/hoặc liên quan đến tranh chấp nếu các khoản phải thu đó chưa được bao thanh toán.

Điều 5. Ngừng giải ngân theo mức bao thanh toán

Trường hợp hai Bên có văn bản thỏa thuận khác, NCB có quyền ngừng cung cấp dịch vụ bao thanh toán, thu hồi một phần hay toàn bộ Khoản Bao Thanh Toán trước hạn, ngừng hoặc chấm dứt việc giải ngân các Khoản Bao Thanh Toán theo quy định tại Văn Kiện Tín Dụng khi có một trong những sự kiện sau:

1. Bên được cấp tín dụng không đáp ứng được các điều kiện bao thanh toán tại Văn Kiện Tín Dụng và Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này;
2. NCB phát hiện tài liệu, thông tin, báo cáo liên quan đến hoạt động kinh doanh, sử dụng vốn bao thanh toán, mục đích khoản bao thanh toán, tài sản bảo đảm (nếu có) của Bên được cấp tín dụng/Bên Bảo Đảm là không chính xác, không đầy đủ, sai sự thật;
3. Bên được cấp tín dụng không báo cáo việc sử dụng Khoản Bao Thanh Toán, hoặc Bên được cấp tín dụng không chứng minh được Khoản Bao Thanh Toán được sử dụng đúng mục đích ghi trong Văn Kiện Tín Dụng, không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc cung cấp không đúng thời hạn các chứng từ chứng minh việc sử dụng Khoản Bao Thanh Toán và các loại chứng từ khác (nếu có) liên quan đến việc sử dụng Khoản Bao Thanh Toán theo quy định hoặc yêu cầu của NCB; hoặc Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu, chỉ dẫn của NCB liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì các Văn Kiện Tín Dụng, kể cả việc sử dụng dịch vụ của Bên thứ ba do NCB chỉ định
4. Bên được cấp tín dụng không trả hay chậm trả nợ gốc hoặc chậm trả nợ lãi hoặc chậm trả nợ phí bao thanh toán theo quy định tại Văn Kiện Tín Dụng hoặc chậm trả các chi phí khác (nếu có); hoặc

phát sinh bất kỳ khoản nợ quá hạn, nhận nợ bắt buộc nào tại NCB hoặc tại Bên thứ Ba hoặc Bên được cấp tín dụng có vi phạm nghĩa vụ thuế.

5. Bên được cấp tín dụng hoặc Bên Bảo Đảm (nếu là pháp nhân):
 - a) Bị yêu cầu/tự yêu cầu tuyên bố phá sản, giải thể, thanh lý, không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thanh toán;
 - b) Tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh từ 3 tháng trở lên; hoặc chia, tách, sáp nhập, giải thể, thanh lý, chuyển đổi hình thức sở hữu, cổ phần hóa, chuyển đổi loại hình công ty, hoặc dùng phần lớn tài sản để góp vốn, liên doanh, mua cổ phần;
 - c) Liên quan đến các vụ kiện, vụ án, hoặc có những thay đổi về vốn điều lệ, Giám đốc, thành viên góp vốn/cổ đông, hoặc những thay đổi về môi trường kinh doanh mà theo quan điểm của NCB thì có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng trả nợ của Bên được cấp tín dụng theo Văn Kiện Tín Dụng;
 - d) Có Tổng giám đốc, Giám đốc, chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch công ty, chủ doanh nghiệp hoặc những người quản lý khác của doanh nghiệp bị bắt giữ, truy tố, bị khởi tố, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc phải chấp hành bản án hình sự;
 - e) Tài sản của Bên được cấp tín dụng bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ; hoặc
 - f) Vi phạm bất cứ nghĩa vụ nào tại Hợp Đồng Bảo Đảm;
6. Bên được cấp tín dụng vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước hoặc Bên được cấp tín dụng vi phạm bất cứ nghĩa vụ, trách nhiệm, cam đoan, bảo đảm nào của mình quy định tại các Văn Kiện Tín Dụng và Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này.
7. Có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc NCB phải thu hồi nợ trước hạn; hoặc phát sinh sự kiện thay đổi, ban hành mới chính sách, quy định pháp luật hay các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan tới việc bao thanh toán, lãi suất bao thanh toán, cách tính lãi phí hoặc các sự kiện bất khả kháng/trường hợp khẩn cấp như khủng bố, chiến tranh, bạo động, đình công, bãi công, lãn công, biểu tình, thiên tai,... hoặc các sự kiện khác làm ảnh hưởng tới (i) hoạt động kinh doanh của NCB, (ii) ảnh hưởng tới quyền thu nợ gốc, lãi, phí, phạt... của NCB, (iii) ảnh hưởng tới tài sản bảo đảm hoặc (iv) ảnh hưởng tới việc thực hiện Văn Kiện Tín Dụng của Bên được cấp tín dụng cũng như khả năng thu hồi nợ của NCB.

Điều 6. Cam kết và bảo đảm của Bên được cấp tín dụng

Bên được cấp tín dụng cam kết và bảo đảm rằng:

1. Bên được cấp tín dụng là một tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật để ký kết và thực hiện Văn Kiện Tín Dụng; Bên được cấp tín dụng đã có được và sẽ duy trì tất cả các phê chuẩn hay ủy quyền nội bộ liên quan đến việc ký kết và thực hiện Văn Kiện Tín Dụng phù hợp với điều lệ của Bên được cấp tín dụng;
2. Bên được cấp tín dụng không bị bất cứ ai tranh chấp, khiếu nại, khởi kiện, không có nghĩa vụ phải thi hành các bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền nào, hoặc không bị hạn chế theo bất cứ thỏa thuận nào Bên được cấp tín dụng hiện có với bên thứ ba khác có khả năng làm ảnh hưởng đến việc ký kết và thực hiện nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng theo Văn Kiện Tín Dụng;
3. Mọi thông tin liên quan đến Bên được cấp tín dụng nêu tại các Văn Kiện Tín Dụng và/hoặc tại các văn bản sử dụng dịch vụ ngân hàng là các thông tin, địa chỉ mà Bên được cấp tín dụng đã đăng ký với NCB để nhận toàn bộ các thông tin từ NCB. Các thông báo của NCB gửi cho Khách Hàng thông qua mọi phương thức như gửi tin nhắn (sms) hoặc thư điện tử (email) hoặc thư bảo đảm hoặc thư tín hoặc gửi trực tiếp tới số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ của Bên được cấp tín dụng theo thỏa thuận tại Văn Kiện Tín Dụng hoặc công bố công khai Lãi Suất Cơ Sở và các thông tin khác trên website của NCB có giá trị ràng buộc đối với Bên được cấp tín dụng.
4. Bên được cấp tín dụng không thỏa thuận Bao Thanh Toán và không cầm cố/thể chấp/chuyển nhượng Khoản Phải thu phát sinh từ Hợp đồng mua, bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ với Người Bán đã được chuyển nhượng cho NCB và/hoặc đã được NCB Bao Thanh Toán với bất kỳ đơn vị nào khác nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của NCB.
5. Đồng ý cho NCB được toàn quyền sử dụng, cung cấp, chia sẻ, thu thập thông tin liên quan đến Bên được cấp tín dụng, Khoản Bao Thanh Toán cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và bất kỳ bên thứ ba nào khác;

6. Sử dụng toàn bộ các nguồn thu nhập tài chính của mình và toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc quyền sử dụng hợp pháp của mình để thanh toán hết các nghĩa vụ nợ của Bên được cấp tín dụng đối với NCB theo các Văn Kiện Tín Dụng. Bên được cấp tín dụng cam kết bằng mọi hình thức, sẽ tự nguyện bàn giao các tài sản nói trên của mình cho NCB và hỗ trợ NCB trong việc xử lý các tài sản đó để hoàn trả nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng với NCB.
7. Bên được cấp tín dụng cam kết và tự đảm bảo mục đích sử dụng vốn, phương án sử dụng vốn khả thi, đúng pháp luật, đúng thẩm quyền, phù hợp với năng lực của mình và có hiệu quả, đảm bảo đủ khả năng tài chính để thanh toán đầy đủ cho NCB các khoản đến hạn theo Văn Kiện Tín Dụng và tạo mọi điều kiện để NCB thực hiện quyền kiểm tra, theo dõi, giám sát quá trình sử dụng Hạn Mức Bao Thanh Toán, sử dụng các Khoản Bao Thanh Toán và trả nợ các Khoản Bao Thanh Toán của Bên được cấp tín dụng cũng như tình hình tài sản bảo đảm cho các Khoản Bao Thanh Toán. Bên được cấp tín dụng cam kết cung cấp các hồ sơ chứng minh mục đích sử dụng tiền Bao Thanh Toán theo yêu cầu của NCB và đảm bảo rằng các hồ sơ đó là hoàn toàn chính xác.
8. Thông báo kịp thời cho NCB khi có những thay đổi của Bên được cấp tín dụng về vốn, tài sản, tình hình tổ chức, tình trạng hoạt động/pháp lý, giải thể, lâm vào tình trạng phá sản, ngừng hoạt động, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, cổ phần hoá, chủ sở hữu, nhân sự thành viên Ban Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, người đại diện theo pháp luật, tổng giám đốc/giám đốc, kế toán trưởng, giám đốc tài chính các tranh chấp, các tình huống có khả năng ảnh hưởng tới việc hoàn trả tiền bao thanh toán.
9. Bên được cấp tín dụng đã được NCB giải thích và cung cấp đầy đủ các thông tin trước khi xác lập Văn Kiện Tín Dụng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các thông tin dưới đây: Lãi suất bao thanh toán, nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất bao thanh toán đối với trường hợp áp dụng lãi suất bao thanh toán có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương thức tính lãi bao thanh toán; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản bao thanh toán.
10. Bên được cấp tín dụng xác nhận tại đây rằng Bên được cấp tín dụng đã được NCB giải thích và cung cấp đầy đủ thông tin về các nội dung, điều khoản của Văn Kiện Tín Dụng và Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này, điều kiện giao dịch chung biết trước khi ký kết Văn Kiện Tín Dụng.
11. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của toàn bộ hồ sơ, tài liệu, thông tin, chứng từ đã lập, ký kết và cung cấp cho NCB bao gồm nhưng không giới hạn bởi:
 - a) Các hồ sơ, tài liệu, thông tin, chứng từ được quy định trong Văn Kiện Tín Dụng.
 - b) Các hồ sơ khi đề nghị Bao Thanh Toán, các tài liệu để chứng minh việc áp dụng biện pháp bảo đảm theo đúng thỏa thuận với NCB.
 - c) Các tài liệu, chứng từ về việc sử dụng Hạn Mức Bao Thanh Toán và Khoản Bao Thanh Toán trong thời hạn theo yêu cầu của NCB.
 - d) Các tài liệu liên quan đến tài khoản tiền gửi, số tài khoản, số dư của tài khoản thanh toán/tài khoản tiền gửi, dư nợ tại các tổ chức tín dụng khác hàng tháng cũng như Báo cáo tài chính theo đúng quy định pháp luật và các tài liệu liên quan đến Bảng tổng kết tài sản, báo cáo kết quả kinh doanh, tình trạng tài chính của Bên được cấp tín dụng theo yêu cầu của NCB.
 - e) NCB không có bất kỳ nghĩa vụ hay trách nhiệm nào phải kiểm chứng, kiểm tra, xác minh hiệu lực, giá trị pháp lý các văn bản hoặc thông tin liên quan đến các hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do Bên được cấp tín dụng và Bên Mua hàng gửi tới NCB.
12. Chịu phạt vi phạm và Bồi thường mọi thiệt hại cho NCB nếu Bên được cấp tín dụng vi phạm Văn Kiện Tín Dụng và Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này.
13. Thực hiện đúng các quy định của Văn Kiện Tín Dụng, Hợp đồng bảo đảm tài sản (nếu có), văn bản thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng và tài liệu kèm theo (nếu có) và Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này;

PHỤ LỤC 04: ĐIỀU KHOẢN VỀ THƯ TÍN DỤNG